

2026

Danh mục thuốc

CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY
1 THÁNG 1 NĂM 2026



Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như biệt dược tương ứng và nên được coi là thuốc điều trị bước một. FDA yêu cầu các thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các lựa chọn điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là danh sách đầy đủ các thuốc được đài thọ theo quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Các loại thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng có được đề cập trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra các quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về phạm vi bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng tránh và được quy định theo Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Phải Chăng. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1_A** - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các tình trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1_B** - Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các tình trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ loại biệt dược có giá cao hơn và các thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào biểu mẫu Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết để giải quyết các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Phương Pháp Trị Liệu Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ phi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ.
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không áp dụng nữa.

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
D/D+/C	Không áp dụng	Các loại thuốc trong danh mục thuốc có ký hiệu D/D+/C đi kèm có thể áp dụng khoản đồng thanh toán khác đối với các thiết kế quyền lợi nhất định. Vui lòng tham khảo các tài liệu về quyền lợi của quý vị để biết thêm thông tin.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu "Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày" cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 EA daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Anorexiant Non-Amphetamine		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRI)		
<i>SUNOSI 75 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
<i>SUNOSI 150 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ML per 56 day(s) retail; 280 ML per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ LQ SOLN	4	QL(12 ML daily); PA
RINVOQ TB24	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 EA daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ML daily); PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 EA daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		
ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-AATY (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-AATY (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-AATY CD/UC/HS START AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.143 ML daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.143 ML daily); PA

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ADALIMUMAB-ADBM (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	HUMIRA-PSORIASIS/UEIT STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADBM (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM(CD/UC/HS STRT) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (1 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV STARTER) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	SIMLANDI (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 EA daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA	YUFLYMA (1 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA (2 PEN) AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	QL(0.143 EA daily); PA
HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	Gold Compounds		
HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA	AURANOFIN 3 MG	3	QL(3 EA daily)
			RIDAURA	3	QL(3 EA daily)
			Interleukin-1 Blockers		
			ARCALYST	4	QL(0.286 EA daily); SP; PA
			Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
			ACTEMRA ACTPEN SOAJ	4	SP; PA
			ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	4	QL(40 ML per 28 day(s) retail; 40 ML per 28 days mail); SP; PA
			ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	4	SP; PA
			ACTEMRA SOSY	4	SP; PA
			KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ML daily); PA
			KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ML daily); PA

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
<i>etodolac CAPS</i>	1B	
<i>etodolac TABS</i>	1B	
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 EA daily); ST
<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML</i>	1B	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CPCR</i>	1B	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(0.667 EA daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 EA daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>nabumetone</i>	1B	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
<i>naproxen TABS</i>	1B	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1B	
<i>piroxicam CAPS</i>	1B	
<i>sulindac TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>OTEZLA XR TB24 PO 75 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPK</i>	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>OTEZLA TABS</i>	4	QL(2 EA daily); PA
<i>OTEZLA TBPK</i>	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>OTEZLA TBPK</i>	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 EA daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
<i>ENBREL MINI SOCT</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ENBREL SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ENBREL SOLN</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.146 ML daily); PA
<i>ENBREL SOSY 50 MG/ML</i>	4	QL(0.286 ML daily); SP; PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B		<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Salicylates			<i>HYSINGLA ER T24A</i>	3	QL(2 EA daily)
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ML per fill retail)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A		<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B	
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>diflunisal TABS</i>	1B		<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>salsalate</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ML daily)
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions			<i>methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ML daily)
Opioid Agonists			<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B	
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>METHADONE HCL SOLN IJ (methadone hcl)</i>	1B	
<i>CODEINE SULFATE TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 EA daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 EA daily)	<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrocodone bitartrate T24A</i>	1B	QL(2 EA daily)			
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply			

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
<i>morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ML daily)	<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B		XTAMPZA ER	2	QL(2 EA daily)
<i>morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ML daily)	Opioid Combinations		
<i>morphine sulfate TABS 15 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)	<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ML daily)
<i>morphine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 EA daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
OXYCODONE HCL TABA 10 MG	3		<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
OXYCODONE HCL TABA 5 MG, 15 MG, 30 MG	3	QL(12 EA daily)	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)	<i>butalbital-acetaminophen-cafeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
OXYCONTIN T12A	3	QL(2 EA daily)	<i>butalbital-acetaminophen-cafeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 EA daily); PA	<i>butalbital-aspirin-cafeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 EA daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA			
ROXYBOND TABA 5 MG, 15 MG, 30 MG	3	QL(12 EA daily)			
ROXYBOND TABA 10 MG	3				
SUBSYS LIQD 800 MCG	3	QL(8 EA daily); PA			

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ML daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 EA daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 EA daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 EA daily)
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 EA daily)
Opioid Partial Agonists		
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ML daily); PA
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Androgens		
<i>ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR</i>	2	QL(1 EA daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
<i>methyltestosterone TABS</i>	1B	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
<i>TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML</i>	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 GM daily)
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA
EMVERM CHEW	2	QL(2 EA daily; 6 EA per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail
<i>ivermectin</i>	1B	QL(9 EA per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1B	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1A	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
ANTIANXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN PO 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	
<i>dofetilide</i>	1B	
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	C; QL(8 ML daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
ATROVENT HFA	3	Limit 2 inhalers per month; QL(0.44 GM daily)
INCRUSE ELLIPTA	2	C; QL(1 EA daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	C; QL(15 ML daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	2	C; QL(0.14 GM daily)
<i>tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG</i>	1B	C; QL(1 EA daily)
Leukotriene Modulators		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	C; QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	C; QL(1 EA daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	C; QL(1 EA daily)
<i>zafirlukast</i>	1B	C; QL(2 EA daily)
<i>zileuton TB12</i>	3	QL(4 EA daily); PA
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast</i>	1B	QL(1 EA daily)
Steroid Inhalants		
ALVESCO	3	3 package(s) per 30 day(s) retail; 9 package(s) per 90 day(s) mail; PA
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (<i>fluticasone furoate (inhalation)</i>)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	C; QL(4 ML daily); PA
<i>fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B	C
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	C; QL(0.8 GM daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	C; 1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
QVAR REDHALER	2	C; 1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>fluticasone-salmeterol</i> AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
Sympathomimetics			<i>fluticasone-salmeterol</i> AEPB 113 MCG/ACT-14 MCG/ACT, 232 MCG/ACT-14 MCG/ACT, 55 MCG/ACT-14 MCG/ACT	1B	C
<i>albuterol sulfate</i> AERS	1B	C	<i>fluticasone-salmeterol</i> AERO	1B	C; 1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>albuterol sulfate</i> NEBU	1B	C; QL(15 ML daily)	<i>formoterol fumarate</i> NEBU	1B	C; QL(4 ML daily)
<i>albuterol sulfate</i> NEBU	1B	C	<i>ipratropium-albuterol</i> SOLN	1B	C; QL(18 ML daily)
<i>albuterol sulfate</i> SYRP	1B	C	<i>levalbuterol hcl</i> 1.25 MG/0.5ML	1B	C
<i>albuterol sulfate</i> TABS	1B	C	<i>levalbuterol hcl</i>	1B	C; QL(12 ML daily)
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	C; QL(4 ML daily)	<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	C; QL(0.5 GM daily)
BREO ELLIPTA 50 MCG/INH-25 MCG/INH	2	C; 1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	SEREVENT DISKUS	2	C; 1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREO ELLIPTA (<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	STIOLTO RESPIMAT	2	C; 1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREZTRI AEROSPHERE	2	C; QL(0.38 GM daily)	STRIVERDI RESPIMAT	2	C
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail	<i>terbutaline sulfate</i> SOLN	1B	C
COMBIVENT RESPIMAT AERS	2	QL(0.16 GM daily)	<i>terbutaline sulfate</i> TABS	1B	C
DULERA	2	C	TRELEGY ELLIPTA	2	C; QL(2 EA daily)
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>umeclidinium-vilanterol</i>	2	C; QL(2 EA daily)

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Xanthines		
<i>theophylline ELIX</i>	1B	
<i>theophylline SOLN</i>	1B	C; QL(56 ML daily)
<i>theophylline TB12</i>	1B	C
<i>theophylline TB24</i>	1B	C
ANTICOAGULANTS - Blood Thinners		
Coumarin Anticoagulants		
<i>warfarin sodium TABS</i>	1A	
Direct Factor Xa Inhibitors		
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPB	2	QL(2.47 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ELIQUIS TABS	2	QL(2 EA daily)
<i>rivaroxaban SUSR 1 MG/ML</i>	1B	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)
<i>rivaroxaban TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
XARELTO STARTER PACK TBPB	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
XARELTO SUSR 1 MG/ML (<i>rivaroxaban</i>)	2	QL(900 ML per 30 day(s) retail; 900 ML per 30 days mail)
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 EA daily)
XARELTO TABS 15 MG	2	QL(2 EA daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ML daily); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ML daily; 30 Day(s) limit); SP

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ML daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ML daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ML per 180 day(s) retail; 4 ML per 180 days mail); SP
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML, 7.5 MG/0.6ML, 10 MG/0.8ML</i>	4	SP
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
Thrombin Inhibitors		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B	
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
<i>perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 4 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily); PA
<i>perampanel TABS 6 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ML daily); PA
<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>clonazepam TABS</i>	1A	

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail	DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA
NAYZILAM	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	EPIDIOLEX	3	PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>eslicarbazepine acetate 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10 MG/0.1ML	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>gabapentin CAPS</i>	1B	
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 EA per 30 day(s) retail); PA	<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ML daily)
Anticonvulsants - Misc.			<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B	
BANZEL TABS 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 EA daily); PA	<i>lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 100 MG/10ML</i>	1B	QL(40 ML daily)
BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 EA daily); PA	<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML	3	QL(20 ML daily); PA	<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 EA daily)
<i>carbamazepine CHEW 100 MG</i>	1B		<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 EA daily)
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>lamotrigine TABS</i>	1B	
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B		<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>carbamazepine TABS</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 EA daily)
DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 EA daily); PA	<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 EA daily); PA	<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
			<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
			<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily); ST
			<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); ST

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>pregabalin SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily); ST	DILANTIN SUSP (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B		<i>fosphenytoin sodium</i>	1B	
<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ML daily); PA	<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B	
<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 EA daily); PA	<i>phenytoin CHEW</i>	1B	
TEGRETOL SUSP (<i>carbamazepine</i>)	2		<i>phenytoin SUSP</i>	1B	
TEGRETOL TABS (<i>carbamazepine</i>)	2		Succinimides		
<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)	<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)
<i>topiramate CS24</i>	3	PA	<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	ZARONTIN CAPS (<i>ethosuximide</i>)	2	QL(6 EA daily)
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	Valproic Acid		
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>divalproex sodium TB24</i>	1B	
<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B	
Carbamates			<i>valproate sodium SOLN PO 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	1B	
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ML daily)	<i>valproic acid CAPS</i>	1B	
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)	Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
GABA Modulators			<i>mirtazapine TABS</i>	1B	
<i>tiagabine hcl</i>	1B		<i>mirtazapine TBDP</i>	1B	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA	Antidepressants - Misc.		
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA	<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	D+/C
Hydantoins			<i>bupropion hcl TB12</i>	1B	D+/C
DILANTIN	2		<i>bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG</i>	1B	
DILANTIN (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2		Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2		EMSAM	3	QL(1 EA daily)
DILANTIN-125 SUSP (<i>phenytoin</i>)	2		MARPLAN	2	QL(6 EA daily)
			<i>phenelzine sulfate</i>	1B	
			<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B	

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
SPRAVATO (56 MG DOSE)	4	PA
SPRAVATO (84 MG DOSE)	4	PA
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1A	
<i>citalopram hydrobromide TABS</i>	1A	D/C
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	
<i>escitalopram oxalate TABS</i>	1B	D+/C
<i>fluoxetine hcl CAPS</i>	1A	D/C
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1A	
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluoxetine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluvoxamine maleate TABS</i>	1B	D+/C
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	
<i>paroxetine hcl TABS</i>	1B	D/C
<i>paroxetine hcl TB24</i>	1B	
<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	
<i>sertraline hcl TABS</i>	1B	D/C
Serotonin Modulators		
<i>nefazodone hcl</i>	1B	
<i>trazodone hcl TABS</i>	1B	
TRINTELLIX	3	QL(1 EA daily); PA
VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 package(s) per 180 day(s) retail
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>desvenlafaxine succinate</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>duloxetine hcl CPEP</i>	1B	D/C
FETZIMA TITRATION C4PK	3	PA
FETZIMA CP24	3	QL(1 EA daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24</i>	1B	D+/C
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	D/C
<i>venlafaxine hcl TB24</i>	1B	
Tricyclic Agents		
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1A	D/C
<i>amoxapine</i>	1B	
<i>clomipramine hcl</i>	1B	PA
<i>desipramine hcl TABS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B	
<i>doxepin hcl CONC</i>	1B	
<i>imipramine hcl TABS</i>	1B	D+/C
<i>imipramine pamoate</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B	
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B	
<i>protriptyline hcl</i>	1B	
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B	
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		
Alpha-Glucosidase Inhibitors		
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 EA daily)
Antidiabetic Combinations		
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 EA daily)

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 EA daily)	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 EA daily)
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)	XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 EA daily)
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	D+; QL(4 EA daily)	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)
<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	D+; QL(4 EA daily)	XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(1 EA daily)
<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)	XULTOPHY	2	QL(0.5 ML daily); PA
GLYXAMBI	2	QL(1 EA daily)	Biguanides		
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 EA daily)	<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 EA daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1A	D+; QL(2.5 EA daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1A	D+; QL(5 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	D+; QL(3 EA daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	D+; QL(4 EA daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	Diabetic Other		
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>diazoxide</i>	3	
SOLIQUA	2	QL(0.5 ML daily); PA	<i>glucagon SOLR IJ 1 MG</i>	1B	D+; QL(0.035 EA daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)	Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)	<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 EA daily)
SYNJARDY TABS	2	QL(2 EA daily)	JANUVIA	2	QL(1 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 EA daily)	<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)	Incretin Mimetic Agents		
			<i>liraglutide</i>	1B	QL(0.3 ML daily); PA
			OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA
			OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.054 ML daily); PA
			OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	2	QL(0.108 ML daily); PA

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN	2	QL(0.108 ML daily); PA	NOVOLOG PENFILL SOCT	1B	D
RYBELSUS TABS	2	QL(1 EA daily); PA	NOVOLOG SOLN IJ	1B	D
TRULICITY	2	QL(0.143 ML daily); PA	REZVOGLAR KWIKPEN	3	PA
Insulin			TRESIBA FLEXTOUCH SOPN	2	D
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA	TRESIBA SOLN	2	D
APIDRA SOLN	3	PA	Insulin Sensitizing Agents		
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	D; QL(1.34 ML daily)	<i>pioglitazone hcl</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	D; QL(1.34 ML daily)	Meglitinide Analogues		
INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN	2		<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 EA daily)
INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN	2		<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN	1B		<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
INSULIN LISPRO JUNIOR KWIKPEN SOPN	1B		Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
INSULIN LISPRO PROT & LISPRO SUPN	1B		<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 EA daily)
INSULIN LISPRO SOLN IJ	1B	D	FARXIGA (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 EA daily)
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	D	JARDIANCE	2	QL(1 EA daily)
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	D	Sulfonylureas		
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	D	<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1A	D+; QL(4 EA daily)
NOVOLIN N SUSP	2	D	<i>glimepiride 4 MG</i>	1A	D+; QL(2 EA daily)
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	D	<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	D+; QL(4 EA daily)
NOVOLIN R SOLN IJ	2	D	<i>glipizide TB24</i>	1A	D+; QL(2 EA daily)
NOVOLOG FLEXPEN SOPN	1B	D	<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	D+; QL(4 EA daily)
NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN SUPN	1B	D	<i>glyburide TABS</i>	1A	D+; QL(4 EA daily)
NOVOLOG MIX 70/30 SUSP	1B	D	ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
			Antiperistaltic Agents		
			<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
Antidotes and Specific Antagonists		
<i>deferoxamine mesylate</i>	4	PA
DESFERAL 500 MG (<i>deferoxamine mesylate</i>)	4	PA
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	QL(2 EA per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	
<i>naltrexone hcl</i>	1B	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 EA daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ML daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 EA daily; 45 EA per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 EA daily; 60 EA per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily)
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 EA daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA
AKYNZEO SOLR	4	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	QL(4 EA daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 EA daily); PA
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 EA daily); PA
VARUBI (180 MG DOSE) TBPK	3	PA

ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Antifungals			Antihistamines - Non-Sedating		
<i>amphotericin b IV</i>	3		<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>flucytosine</i>	1B		<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)	<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B		<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B		<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>nystatin TABS</i>	1B		<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>loratadine CHEW</i>	1B	
Imidazole-Related Antifungals			<i>loratadine SOLN</i>	1B	
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA	<i>loratadine TABS</i>	1A	
<i>fluconazole SUSP</i>	1B		<i>loratadine TBDP</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B		Antihistamines - Phenothiazines		
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ML daily); PA	<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
<i>ketoconazole</i>	1B		<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	
<i>posaconazole SUSP</i>	3	QL(20 ML daily)	Antihistamines - Piperidines		
TOLSURA CAPS	4	PA	<i>ciproheptadine hcl SYRP</i>	1B	
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>ciproheptadine hcl TABS</i>	1B	
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies			ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Cholesterol		
Antihistamines - Ethanolamines			Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B		<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B		Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B		<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily); PA
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B		<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	D+; QL(4 EA daily)
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1A		Bile Acid Sequestrants		
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1B		<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML</i>	1B		<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 GM daily)

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 GM daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 EA daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 EA daily)
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate micronized 43 MG, 130 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1A	D+; QL(1 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	3	QL(2 EA daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1A	D+; QL(1 EA daily); PV
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1A	D+; QL(2 EA daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1A	D+; QL(1 EA daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
Nicotinic Acid Derivatives		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 EA daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ML daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ML daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ML daily); PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1A	D+
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>enalapril maleate TABS</i>	1A	D+
<i>fosinopril sodium</i>	1B	D+
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1A	D+
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>ramipril CAPS</i>	1B	D+
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 EA daily)

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
EDARBI	3	QL(1 EA daily); ST	<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>irbesartan</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)	<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B	
<i>losartan potassium</i>	1A	D+; QL(1 EA daily)	<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)	<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	D+
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1A	D+
<i>valsartan TABS</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1A	D+; QL(2 EA daily)
Antiadrenergic Antihypertensives			<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1A	D+; QL(1 EA daily)
<i>clonidine hcl TABS</i>	1A	D+; QL(8 EA daily)	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>clonidine PTWK</i>	1B	QL(0.15 EA daily)	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	
<i>doxazosin mesylate</i>	1B		<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST
<i>guanfacine hcl</i>	1B		<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>terazosin hcl</i>	1B		<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
Antihypertensive Combinations			<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B		<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST			
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 EA daily)			
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3				
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B				
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B				
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)			
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 EA daily)			
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B				

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>trandolapril-verapamil hcl</i> 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG	3	
<i>trandolapril-verapamil hcl</i> 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG	3	QL(1 EA daily)
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 EA daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl</i> SOLN	1B	
<i>hydralazine hcl</i> TABS	1B	D+
<i>minoxidil</i> 2.5 MG, 10 MG	1B	D+
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>metronidazole</i> TABS 250 MG, 500 MG	1B	
<i>pentamidine isethionate</i> IN	1B	
<i>tinidazole</i>	1B	
<i>trimethoprim</i> TABS	1B	
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 EA daily; 9 EA per 3 day(s) retail; 9 EA per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim</i> SOLN	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim</i> SUSP	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim</i> TABS	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide</i> TABS	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium</i> IJ	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin</i> 500 MG	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl</i> CAPS	1B	QL(4 EA daily; 40 EA per fill retail)
<i>vancomycin hcl</i> SOLR PO 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML	1B	QL(300 ML per fill retail)
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	3	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate</i> SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B		Antimalarials		
CAYSTON	4	QL(3 ML daily); PA	<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
Oxazolidinones			<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>linezolid SUSR</i>	1B		<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
Urinary Anti-infectives			<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B		KRINTAFEL	3	QL(2 EA per 30 day(s) retail)
<i>methenamine hippurate</i>	1B		<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 EA daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>nitrofurantoin</i>	1B		<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B		<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 EA daily); PA
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B		<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)			ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimalarial Combinations			Antimyasthenic/Cholinergic Agents		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 EA per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>pyridostigmine bromide SOLN PO</i>	1B	
			<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
			<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
			ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1A	
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	
<i>rifampin SOLR</i>	1B	
SIRTURO	3	PA
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer		
Alkylating Agents		
BELRAPZO SOLN	4	PA
BENDAMUSTINE HCL SOLN	4	PA
BENDEKA SOLN	4	PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 150 MG/15ML, 450 MG/45ML</i>	4	PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 50 MG/50ML</i>	4	PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	SP; PA
EVOMELA IV	4	PA
GLEOSTINE 10 MG (<i>lomustine</i>)	4	SP; PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG (<i>lomustine</i>)	4	PA
IFEX SOLR	4	PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA
IFOSFAMIDE SOLR	4	PA
LEUKERAN	4	SP; PA
<i>lomustine 40 MG, 100 MG</i>	4	PA
<i>lomustine 10 MG</i>	4	SP; PA
<i>melphalan</i>	1B	
<i>melphalan hcl IV</i>	1B	
MYLERAN TABS	4	SP; PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA
TEMODAR SOLR	4	SP; PA
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA
TEPADINA 100 MG (<i>thiotepa</i>)	4	PA
<i>thiotepa 100 MG</i>	4	PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA
VIVIMUSTA SOLN	4	PA
YONDELIS	4	PA
ZANOSAR	4	SP; PA
Antimetabolites		
ALIMTA SOLR 100 MG (<i>pemetrexed disodium</i>)	4	PA
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA
<i>cladribine 10 MG/10ML</i>	4	PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA
<i>decitabine</i>	4	SP; PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>fluorouracil 1 GM/20ML, 2.5 GM/50ML, 5 GM/100ML</i>	4	PA
FOLOTYN 40 MG/2ML	4	PA

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>gemcitabine hcl SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA	LENVIMA (8 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 1 GM</i>	4	PA	MVASI	4	PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM</i>	4	PA	ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
<i>mercaptopurine TABS</i>	1B		ZIRABEV	4	PA
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B		Antineoplastic - Antibodies		
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP	ARZERRA	4	SP; PA
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP	BAVENCIO	4	PA
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA	BESPOUSA	4	PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA	BLINCYTO	4	PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 100 MG</i>	4	PA	DARZALEX	4	PA
<i>pralatrexate</i>	4	PA	EMPLICITI	4	PA
TABLOID	4	SP; PA	GAZYVA	4	PA
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA	IMFINZI	4	PA
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors			KADCYLA	4	PA
CYRAMZA	4	PA	KEYTRUDA	4	PA
INLYTA	4	QL(2 EA daily); SP; PA	LIBTAYO	4	PA
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	LOQTORZI	4	PA
LENVIMA (12 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA	OPDIVO 40 MG/4ML, 100 MG/10ML, 240 MG/24ML	4	PA
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	POTELIGEO	4	PA
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA	RUXIENCE	4	PA
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	TECENTRIQ 1200 MG/20ML	4	PA
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE)	4	QL(3 EA daily); PA	TRUXIMA	4	PA
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA	YERVOY	4	SP; PA
			Antineoplastic - Anti-HER2 Agents		
			KANJINTI	4	PA
			OGIVRI	4	PA
			TRAZIMERA	4	PA
			TUKYSA	4	PA
			Antineoplastic - EGFR Inhibitors		
			ERBITUX	4	SP; PA
			<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
			<i>gefitinib</i>	4	QL(2 EA daily); PA

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
GILOTRIF	4	QL(1 EA daily); PA	<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
PORTRAZZA	4	PA	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 EA daily); PA	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 EA daily); PA	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 EA daily); SP; PA
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA
VECTIBIX 400 MG/20ML	4	PA	LYSODREN	4	SP; PA
VIZIMPRO	4	QL(1 EA daily); PA	<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors			<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
DAURISMO	4	PA	<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 EA daily)
ERIVEDGE	4	QL(1 EA daily); SP; PA	NUBEQA	4	QL(4 EA daily); PA
ODOMZO	4	QL(1 EA daily); PA	ORGOVYX	4	PA
Antineoplastic - Hormonal and Related Agents			<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA	<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA	<i>toremifene citrate</i>	1B	
<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 EA daily)	TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
<i>bicalutamide</i>	1B	QL(1 EA daily); SP	VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA	XTANDI CAPS	4	QL(4 EA daily); SP; PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 EA daily); SP; PA	XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 EA daily); PA
EMCYT	4	SP; PA	XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 EA daily); PA
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 EA daily); PA	YONSA	4	QL(4 EA daily); PA
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 EA daily); PA	ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA
<i>exemestane</i>	4	QL(1 EA daily); SP	ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 EA daily); SP; PA
FIRMAGON 80 MG	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA	Antineoplastic - Immunomodulators		
FIRMAGON (240 MG DOSE)	4	QL(0.143 EA daily); SP; PA	POMALYST	4	QL(1 EA daily); PA
<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ML daily); SP; PA	Antineoplastic Antibiotics		
<i>letrozole</i>	1B		<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA
			<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>daunorubicin hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	4	PA	COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(3 EA daily); SP; PA
DAUNORUBICIN HCL SOLN 50 MG/10ML (<i>daunorubicin hcl</i>)	4	PA	<i>dasatinib</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 50 MG</i>	4	SP; PA	<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG</i>	4	PA	IBRANCE CAPS	4	QL(1 EA daily); PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	IBRANCE TABS	4	QL(1 EA daily); PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	ICLUSIG	4	QL(1 EA daily); PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	<i>imatinib mesylate TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML</i>	4	SP; PA	JAKAFI	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	KISQALI (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
Antineoplastic Combinations			KISQALI (400 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
KISQALI FEMARA (200 MG DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA	KISQALI (600 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA
KISQALI FEMARA (400 MG DOSE)	4	QL(2.5 EA daily); PA	KYPROLIS	4	PA
KISQALI FEMARA (600 MG DOSE)	4	QL(3.25 EA daily); PA	<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 EA daily); SP; PA
VYXEOS	4	PA	LORBRENA	4	QL(1 EA daily); PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors			LUMAKRAS 120 MG, 240 MG	4	QL(2 EA daily); PA
ALECENSA	4	QL(8 EA daily); PA	LUMAKRAS 320 MG	4	QL(3 EA daily); PA
BELEODAQ	4	PA	LYNPARZA TABS	4	QL(4 EA daily); PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA	MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 EA daily); PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA	MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 EA daily); PA
CABOMETYX TABS	4	QL(1 EA daily); PA	<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA
CAPRELSA	4	QL(1 EA daily); SP; PA	PIQRAY (200 MG DAILY DOSE)	4	QL(1 EA daily); PA
COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(2 EA daily); SP; PA	PIQRAY (250 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT	4	QL(4 EA daily); SP; PA	PIQRAY (300 MG DAILY DOSE)	4	QL(2 EA daily); PA
			<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA
			ROZLYTREK CAPS	4	PA

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
RUBRACA	4	QL(4 EA daily); PA
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 EA daily); SP; PA
STIVARGA	4	QL(4 EA daily); SP; PA
<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
TAFINLAR CAPS	4	QL(4 EA daily); PA
TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA
TALZENNA	4	QL(1 EA daily); PA
TAZVERIK	4	PA
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ML daily); SP; PA
TURALIO 125 MG	4	PA
VERZENIO	4	QL(2 EA daily); PA
VITRAKVI CAPS	4	PA
VITRAKVI SOLN	4	PA
XALKORI CAPS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
XOSPATA	4	PA
ZEJULA TABS	4	QL(1 EA daily); PA
ZELBORAF	4	QL(8 EA daily); SP; PA
ZOLINZA	4	QL(4 EA daily); SP; PA
ZYDELIG	4	QL(2 EA daily); PA
Antineoplastics Misc.		
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA
<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>bexarotene</i>	4	SP; PA
<i>hydroxyurea</i>	1B	
MATULANE	4	SP; PA
NIPENT	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PHOTOFRIN	4	SP; PA
PROLEUKIN	4	SP; PA
SYNRIBO	4	SP; PA
TICE BCG	4	PA
<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
UVADEX	4	SP; PA
Chemotherapy Adjuncts		
ELITEK	4	PA
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
KHAPZORY 175 MG	4	PA
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
<i>mesna SOLN</i>	4	PA
MESNEX SOLN (<i>mesna</i>)	4	PA
VORAXAZE	4	SP; PA
Mitotic Inhibitors		
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA
ETOPOPHOS	4	SP; PA
<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	SP; PA
IXEMPRA KIT 45 MG	4	PA
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
<i>paclitaxel 30 MG/5ML, 300 MG/50ML</i>	4	PA
<i>paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate 50 MG/5ML</i>	4	PA
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Topoisomerase I Inhibitors			<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
CAMPTOSAR 300 MG/15ML (<i>irinotecan hcl</i>)	4	PA	<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
HYCANTIN CAPS	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	
<i>irinotecan hcl</i> 40 MG/2ML, 100 MG/5ML	4	SP; PA	<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
<i>irinotecan hcl</i> 300 MG/15ML	4	PA	NEUPRO	2	
ONIVYDE IV 43 MG/10ML	4	PA	<i>pramipexole dihydrochloride TABS</i> 0.125 MG	1B	QL(4 EA daily)
<i>topotecan hcl</i> SOLN	4	PA	<i>pramipexole dihydrochloride TABS</i> 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	1B	
TOPOTECAN HCL SOLN (<i>topotecan hcl</i>)	4	PA	<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
<i>topotecan hcl</i> SOLR	4	SP; PA	<i>ropinirole hydrochloride TB24</i> 8 MG, 12 MG	1B	QL(2 EA daily); ST
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease			<i>ropinirole hydrochloride TB24</i> 2 MG, 4 MG, 6 MG	1B	QL(1 EA daily); ST
Antiparkinson Adjunctive Therapy			Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>carbidopa</i>	1B		<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Antiparkinson Anticholinergics			<i>selegiline hcl</i> CAPS	1B	
<i>benztropine mesylate</i> TABS	1B		<i>selegiline hcl</i> TABS	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl</i> SOLN	1B		ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
<i>trihexyphenidyl hcl</i> TABS	1B		Antimanic Agents		
Antiparkinson COMT Inhibitors			<i>lithium</i>	1B	
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 EA daily)	<i>lithium carbonate</i> CAPS	1B	
TASMAR (<i>tolcapone</i>)	3		<i>lithium carbonate</i> TABS	1B	
<i>tolcapone</i>	3		<i>lithium carbonate</i> TBCR	1B	
Antiparkinson Dopaminergics			Antipsychotics - Misc.		
<i>amantadine hcl</i> CAPS	1B		EQUETRO 300 MG	3	QL(4 EA daily); ST
<i>amantadine hcl</i> SOLN	1B		EQUETRO 100 MG	3	QL(2 EA daily); ST
<i>amantadine hcl</i> TABS	1B		EQUETRO 200 MG	3	QL(8 EA daily); ST
<i>apomorphine hydrochloride</i> SOCT	4	PA	<i>lurasidone hcl</i> 80 MG	1B	QL(2 EA daily)
<i>bromocriptine mesylate</i> CAPS	1B				
<i>bromocriptine mesylate</i> TABS 2.5 MG	1B				

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
Benzisoxazoles			<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400 MG</i>	1B	AL(At least 10 yrs old)
FANAPT	2	QL(2 EA daily); PA	<i>quetiapine fumarate TB24</i>	1B	
FANAPT TITRATION PACK A	2	PA	Phenothiazines		
<i>paliperidone</i>	1B		<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 EA daily); PA	<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 EA daily); PA	<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	
<i>risperidone SOLN</i>	1B		<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B	
<i>risperidone TABS</i>	1B		<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>risperidone TBDP</i>	1B		<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B	
Butyrophenones			<i>perphenazine TABS</i>	1B	
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ML daily)	<i>prochlorperazine</i>	1B	
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B		<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B		<i>thioridazine hcl</i>	1B	
<i>haloperidol TABS</i>	1B		<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B	
Dibenzapines			Quinolinone Derivatives		
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>aripiprazole SOLN PO</i>	1B	QL(30 ML daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clozapine TABS</i>	1B		REXULTI	3	PA
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)	Thioxanthenes		
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>thiothixene</i>	1B	
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections		
<i>loxapine succinate</i>	1B		Antiretrovirals		
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 EA daily)	<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ML daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	
			APTIVUS CAPS	2	QL(4 EA daily)

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	EMTRIVA SOLN	2	QL(24 ML daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	EPIVIR SOLN (<i>lamivudine</i>)	3	QL(30 ML daily)
BIKTARVY	2	QL(1 EA daily)	EPIVIR TABS 150 MG (<i>lamivudine</i>)	3	QL(2 EA daily)
CABENUVA	3		EPIVIR TABS 300 MG (<i>lamivudine</i>)	3	QL(1 EA daily)
CIMDUO	2	QL(1 EA daily)	EPZICOM (<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>)	3	QL(1 EA daily)
COMBIVIR (<i>lamivudine-zidovudine</i>)	3		<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG (<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	2	QL(1 EA daily)	<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>darunavir TABS 600 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	EVOTAZ	2	QL(1 EA daily)
<i>darunavir TABS 800 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
DELSTRIGO	2	QL(1 EA daily)	FUZEON SOLR	4	SP; PA
DESCOVY 200 MG-25 MG	2	QL(1 EA daily)	GENVOYA	2	QL(1 EA daily)
DOVATO	2	QL(1 EA daily)	INTELENCE 200 MG (<i>etravirine</i>)	3	QL(2 EA daily)
EDURANT	2	QL(1 EA daily)	INTELENCE 25 MG	3	QL(8 EA daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	INTELENCE 100 MG (<i>etravirine</i>)	3	QL(4 EA daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	ISENTRESS HD TABS	2	QL(2 EA daily)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	ISENTRESS CHEW	2	QL(6 EA daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	ISENTRESS PACK	2	QL(8 EA daily)
<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)	ISENTRESS TABS	2	QL(2 EA daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 EA daily)	JULUCA	2	QL(1 EA daily)
<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)	KALETRA SOLN	3	QL(12.5 ML daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	KALETRA TABS (<i>lopinavir-ritonavir</i>)	2	QL(4 EA daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 EA daily)	<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ML daily)
EMTRIVA CAPS (<i>emtricitabine</i>)	3	QL(1 EA daily)	<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
			<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
			<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	
			LEXIVA SUSP	2	QL(56 ML daily)
			LEXIVA TABS (<i>fosamprenavir calcium</i>)	3	QL(4 EA daily)
			<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ML daily)

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)	SELZENTRY TABS 300 MG (<i>maraviroc</i>)	3	QL(4 EA daily)
<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	STRIBILD	2	QL(1 EA daily)
<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	SUNLENCA TABS PO 300 MG	2	
<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)	SUNLENCA TBPK 300 MG	2	
<i>nevirapine TABS</i>	1B		SYMFI (<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	3	QL(1 EA daily)
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	SYMFI LO (<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	3	QL(1 EA daily)
NORVIR CAPS	2	QL(12 EA daily)	SYMTUZA	2	QL(1 EA daily)
NORVIR PACK	2	QL(12 EA daily)	<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1B	
NORVIR TABS (<i>ritonavir</i>)	3	QL(12 EA daily)	TIVICAY PD TBSO	2	
ODEFSEY	2	QL(1 EA daily)	TIVICAY TABS	2	QL(2 EA daily)
PIFELTRO	2	QL(1 EA daily)	TRIUMEQ PD TBSO	2	
PREZCOBIX	2	QL(1 EA daily)	TRIUMEQ TABS	2	QL(1 EA daily)
PREZISTA SUSP	2	QL(12 ML daily)	TRUVADA (<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>)	3	QL(1 EA daily)
PREZISTA TABS 800 MG (<i>darunavir</i>)	3	QL(1 EA daily)	TYBOST	2	QL(1 EA daily)
PREZISTA TABS 600 MG (<i>darunavir</i>)	3	QL(2 EA daily)	VIRACEPT TABS 250 MG	2	QL(10 EA daily)
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	2	QL(2 EA daily)	VIRACEPT TABS 625 MG	2	QL(4 EA daily)
RETROVIR CAPS (<i>zidovudine</i>)	3		VIREAD POWD	2	QL(7.5 GM daily)
RETROVIR SOLN	1B		VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	2	QL(1 EA daily)
RETROVIR SYRP (<i>zidovudine</i>)	3		VIREAD TABS (<i>tenofovir disoproxil fumarate</i>)	3	
REYATAZ CAPS 300 MG (<i>atazanavir sulfate</i>)	3	QL(1 EA daily)	YEZTUGO TABS PO 300 MG	2	
REYATAZ CAPS 200 MG (<i>atazanavir sulfate</i>)	3	QL(2 EA daily)	ZIAGEN SOLN (<i>abacavir sulfate</i>)	3	QL(32 ML daily)
REYATAZ PACK	2		<i>zidovudine CAPS</i>	1B	
<i>ritonavir TABS</i>	1B	QL(12 EA daily) PA	<i>zidovudine SYRP</i>	1B	
RUKOBIA	2		<i>zidovudine TABS</i>	1B	
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ML daily)	CMV Agents		
SELZENTRY TABS (<i>maraviroc</i>)	3	QL(2 EA daily)			
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG, 150 MG	3	QL(2 EA daily)			

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cidofovir</i>	3		<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ML per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B		RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 EA daily); PA	<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
Hepatitis Agents			BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	Alpha-Beta Blockers		
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA	<i>carvedilol</i>	1A	D+
<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1B	QL(3 EA daily); SP	<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 EA daily)
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ML daily); SP; PA	<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA	<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	D+; QL(8 EA daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 EA daily)	<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	D+
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 EA daily)	Beta Blockers Cardio-Selective		
SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS	1B	QL(1 EA daily); PA	<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
VOSEVI	4	QL(1 EA daily); PA	<i>atenolol TABS</i>	1A	D+
Herpes Agents			<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 EA daily; 50 EA per fill retail; 50 per fill mail)	<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	D+
<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ML daily)	<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	D+
<i>acyclovir TABS PO</i>	1B	QL(5 EA daily)	<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1A	D+
<i>valacyclovir hcl 1 GM</i>	1B	QL(4 EA daily)	<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 EA daily)
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
Influenza Agents			Beta Blockers Non-Selective		
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	QL(10 EA per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	HEMANGEOL SOLN PO	4	QL(75 ML daily); PA

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)	<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 EA daily)
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B		<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>pindolol TABS</i>	1B		<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	D+; QL(2 EA daily)
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>nifedipine TB24 30 MG</i>	1B	D+
<i>propranolol hcl SOLN PO 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B		<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B		<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	D+; QL(1 EA daily)
<i>sotalol hcl (afib/af)</i>	1B		<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B		<i>nisoldipine</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>timolol maleate TABS</i>	1B		<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure			<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	D+
Calcium Channel Blockers			<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	D+
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B	D+	CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B		Cardiac Glycosides		
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>diltiazem hcl extended release beads 420 MG</i>	1B		<i>digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	D+	<i>LANOXIN SOLN IJ (digoxin)</i>	2	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)	<i>LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)</i>	2	
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	D+	CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B		Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>DILTIAZEM HCL SOLR</i>	1B		<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	D+	<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B		<i>sacubitril-valsartan TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>felodipine</i>	1B	D+	Impotence Agents		
<i>isradipine CAPS</i>	1B				
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B				

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>avanafil</i>	1B	QL(0.134 EA daily)
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 EA daily); PA
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 EA daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>bosentan TBSO 32 MG</i>	4	QL(2 EA daily); PA
TRACLEER TBSO 32 MG (<i>bosentan</i>)	4	QL(2 EA daily); PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ML daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ML daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Agonist		
UPTRAVI TITRATION TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 EA daily); PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 EA daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
<i>ivabradine hcl TABS</i>	3	QL(2 EA daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B	
<i>cefadroxil TABS</i>	1B	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cephalexin CAPS</i>	1B	
<i>cephalexin SUSR</i>	1B	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor CAPS</i>	1B	
<i>cefaclor SUSR 250 MG/5ML</i>	1B	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefprozil SUSR</i>	1B	
<i>cefprozil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B	

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
Cephalosporins - 3rd Generation			<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>cefдинир CAPS</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
<i>cefдинир SUSR</i>	1B		LO LOESTRIN FE TABS	0	
<i>cefіxime CAPS</i>	1B		NATAZIA	0	
<i>cefіxime SUSR</i>	1B	ST	NEXTSTELLIS	0	
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B		<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B		<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B		<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
Cephalosporins - 4th Generation			<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0	
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B		<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0	
Cephalosporins - 5th Generation			<i>norethindrone acet & eth estra TABS</i>	0	
TEFLARO	3		<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy			<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
Combination Contraceptives - Oral			<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
AVERI TABS PO	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0		<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0		TYBLUME CHEW	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		Combination Contraceptives - Transdermal		
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0		<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0		TWIRLA	0	QL(3 EA per 28 day(s) retail)
<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0		Combination Contraceptives - Vaginal		
FEMLYV TBDP	0				
<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0				
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0				

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
ANNOVERA	0		<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 EA daily)	MEDROL TABS	3	
Emergency Contraceptives			<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
ELLA	0		<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0		<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Injectable			<i>methylprednisolone TBPK</i>	1B	
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0		<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)	<i>prednisolone sodium phosphate TBP</i>	3	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(1 ML per 90 day(s) retail)	<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Oral			<i>prednisolone TABS</i>	1B	
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0		<i>prednisone SOLN</i>	1B	
OPILL	0		<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
SLYND	0	QL(1 EA daily)	<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions			<i>prednisone TBPK</i>	1B	
Glucocorticosteroids			SOLU-CORTEF 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 EA daily)	SOLU-CORTEF 250 MG	3	
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA	SOLU-MEDROL 2 GM	3	
DEPO-MEDROL SUSP	3		<i>triamcinolone acetate SUSP 40 MG/ML</i>	1B	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B		Mineralocorticoids		
<i>dexamethasone ELIX</i>	1B		<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B	
<i>dexamethasone SOLN</i>	1B		COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A		Antitussives		
<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B		<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail	<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
			<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 EA daily)
			Cough/Cold/Allergy Combinations		

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B	
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1B	
NEBUSAL NEBU	1B	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
Mucolytics		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>adapalene GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>tretinoin GEL 0.01 %</i> , <i>0.025 %</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old)
Agents for External Genital and Perianal Warts		
VEREGEN	3	QL(1 GM daily)
Antibiotics - Topical		
ALTABAX	2	QL(15 GM per 30 day(s) retail; 15 GM per 30 days mail)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
NEO-SYNALAR	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail); PA
Antifungals - Topical		
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	QL(90 GM per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 GM daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ML daily)
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 GM daily); RX/OTC
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily); RX/OTC
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 GM daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 GM per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 GM daily)
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ML daily)
<i>luliconazole</i>	1B	PA
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 GM daily)
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 GM daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ML daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B		<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily); PA
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 GM daily)
<i>tavaborole</i>	1B	PA	COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY	4	QL(0.072 ML daily); PA
Anti-inflammatory Agents - Topical			COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); RX/OTC	COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ML daily); PA
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical			COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ML daily); PA
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ML daily); PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 GM daily); PA	<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	PYZCHIVA 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)	PYZCHIVA 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
PANRETIN	3	QL(60 GM per 30 day(s) retail; 60 GM per 30 days mail)	PYZCHIVA SC 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
Antipruritics - Topical			SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ML daily); PA
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 GM per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ML daily); PA
Antipsoriatics			STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)	STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 GM daily); PA	STEQEYMA 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 GM daily); PA	STEQEYMA 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
			<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 GM daily)
			TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
			TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
YESINTEK SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
YESINTEK SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ML daily); PA
YESINTEK SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ML daily); PA
Antiseborrheic Products		
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B	
Antivirals - Topical		
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 GM daily)
Burn Products		
<i>mafenide acetate PACK</i>	3	
<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 GM daily)
SULFAMYLLON CREA	3	
Corticosteroids - Topical		
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 GM per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
<i>amcinonide LOTN</i>	3	
<i>amcinonide OINT</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B	
<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 GM daily)
<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 GM daily)
<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ML daily)
<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST
<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA
<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 GM daily); PA
<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 GM daily); ST
<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily); ST
<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 GM daily); PA
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ML daily); PA

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 GM daily)	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ML daily)
CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 package(s) per 30 day(s) mail	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ML daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 GM daily)
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	HALOG OINT	3	PA
<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 GM daily)	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily); RX/OTC
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B		<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)
<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ML daily)	<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ML daily)	<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 GM daily)	<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 GM daily)
<i>fluocinonide CREA 0.1 %</i>	1B	QL(4 GM daily)	<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ML daily)
<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 GM daily)
<i>fluocinonide GEL</i>	1B		<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 GM daily)
<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 GM daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ML daily)			
<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 GM daily)			

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 GM daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
Eczema Agents		
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ML daily); PA
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ML daily); PA
Emollients		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 GM daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 GM daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ML daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ML daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 GM daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 GM daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 GM daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 GM daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 GM daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 GM daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 EA daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP K STRP	1B	D
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST	1B	D

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON	1B	D
GOJJI BLOOD KETONE TEST	1B	D
KETONE TEST STRP	1B	D
KETOSTIX STRP	1B	D
NOVA MAX PLUS KETONE TEST	1B	D
PRECISION XTRA KETONE	1B	D
RELION KETONE TEST STRP	1B	D
RELION TRUE METRIX TEST STRIPS STRP	1B	D; QL(3.34 EA daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP	1B	D; QL(3.34 EA daily); RX/OTC
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes		
Digestive Enzymes		
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide sodium</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 EA daily)
Diuretic Combinations		
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1A	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1A	
Loop Diuretics		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B	
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 EA daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 EA daily)
<i>furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML</i>	1B	
<i>furosemide TABS</i>	1A	
<i>torsemide TABS</i>	1B	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1A	QL(2 EA daily)
<i>metolazone</i>	1B	QL(2 EA daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.		
- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1A	QL(0.143 EA daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ML daily)
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 EA daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 EA daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 EA daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>teriparatide SOPN</i>	4	QL(0.09 ML daily); SP; PA
TYMLOS	4	PA
<i>zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML</i>	4	SP; PA
Corticotropin		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	3	PA
ACTHAR GEL	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA
NOVAREL IM 10000 UNIT	4	PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORILISSA	2	PA
Growth Hormones		
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
ZORBTIVE SC	4	SP; PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHEA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 EA daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI (6 MONTH) SC	4	SP; PA
SYNAREL	4	SP; PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cinacalcet hcl</i>	1B	QL(4 EA daily); SP; PA	CLIMARA PRO	3	
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B		DUAVEE	3	PA
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B		<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA	PREMPHASE	2	
MYALEPT	4	PA	PREMPRO	2	QL(1 EA daily)
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA	Estrogens		
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B		DEPO-ESTRADIOL	3	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B		ELESTRIN GEL	3	
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA	<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA	<i>estradiol GEL</i>	3	
Posterior Pituitary Hormones			<i>estradiol GEL</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B		<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.572 EA daily)
<i>desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %</i>	1B		<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA	<i>estradiol TABS</i>	1B	
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA	<i>estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 EA daily)	EVAMIST SOLN	3	
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)	MENEST 2.5 MG	3	
Prolactin Inhibitors			MENOSTAR PTWK	3	
<i>cabergoline</i>	1B		PREMARIN SOLR	2	
Somatostatic Agents			PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG (<i>estrogens, conjugated</i>)	2	QL(1 EA daily)
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA	FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
SIGNIFOR	4	PA	Fluoroquinolones		
Vasopressin Receptor Antagonists			BAXDELA SOLR	3	PA
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA	BAXDELA TABS	3	PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs			<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B	
Estrogen Combinations			<i>ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML</i>	3	
BIJUVA	3	PA	<i>levofloxacin in d5w 500 MG/100ML</i>	1B	
			<i>levofloxacin SOLN PO</i>	1B	

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B		<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A		<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 EA daily)
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B		PYZCHIVA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B		RENFLEXIS	4	PA
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B		SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ML daily); PA
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs			SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ML daily); PA
5-HT4 Receptor Agonists			STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
<i>prucalopride succinate</i>	1B	QL(1 EA daily)	STEQEYMA	4	QL(3.47 ML daily); PA
Agents for Chronic Idiopathic Constipation (CIC)			<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
TRULANCE	2	QL(1 EA daily)	<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
Gallstone Solubilizing Agents			TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)	TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML	4	QL(0.143 ML daily); PA
<i>ursodiol TABS</i>	1B		TREMFYA SOLN IV	4	QL(0.72 ML daily); PA
Gastrointestinal Chloride Channel Activators			TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ML daily); PA
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 EA daily)	YESINTEK 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ML daily); PA
Gastrointestinal Stimulants			Intestinal Acidifiers		
<i>metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ML daily)	<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B		Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 EA daily)	<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 EA daily)
Inflammatory Bowel Agents			LINZESS	2	QL(1 EA daily)
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 EA daily)	Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
DIPENTUM	2		<i>alvimopan</i>	1B	
INFLECTRA SOLR	4	PA	MOVANTIK	3	QL(1 EA daily); PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B		Phosphate Binder Agents		
<i>mesalamine CPDR</i>	1B		<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3				
<i>mesalamine SUPP</i>	3				

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
VELPHORO	3	PA
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1B	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML	1B	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 EA daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	1B	PA
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1A	
<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Antihemophilic Products		
AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ML daily); PA
Complement Inhibitors		
GOHIBIC	4	PA
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 EA daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 EA daily); PA	<i>eltrombopag olamine PACK 12.5 MG, 25 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>cilostazol</i>	1B		<i>eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B		GRANIX SOLN 300 MCG/ML	4	PA
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)	GRANIX SOSY	4	PA
<i>dipyridamole</i>	1B		LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
<i>eptifibatide 200 MG/100ML</i>	4	PA	MIRCERA	4	PA
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 EA daily)	NYVEPRIA	4	PA
<i>ticagrelor 60 MG, 90 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)	RETACRIT	4	PA
ZONTIVITY	3	PA	UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders			UDENYCA SOAJ	4	PA
Agents for Gaucher Disease			UDENYCA SOSY	4	PA
CERDELGA	4	QL(2 EA daily); PA	ZARXIO	4	PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA	Hematopoietic Mixtures		
Agents for Sickle Cell Disease			HEMATINIC/FOLIC ACID	1B	QL(1 EA daily)
DROXIA CAPS	3		Iron		
Cobalamins			<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ML daily)	<i>ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG</i>	0	
Folic Acid/Folates			<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
<i>folic acid TABS</i>	0		INFED	4	PA
Hematopoietic Growth Factors			<i>iron sucrose 20 MG/ML</i>	4	PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA	VENOFER 20 MG/ML (<i>iron sucrose</i>)	4	PA
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML	4	SP; PA	HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA	Hemostatics - Systemic		
			<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
			<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
			<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
			HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER		

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1B	
<i>phenobarbital TABS</i>	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1B	QL(1 EA daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1B	
<i>temazepam 7.5 MG, 22.5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>temazepam 15 MG, 30 MG</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1A	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1B	QL(1 EA daily)
Orexin Receptor Antagonists		
<i>BELSOMRA</i>	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 EA daily)
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 EA daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 EA per fill retail; 4 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 EA daily)
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 EA per fill retail; 6 per fill mail)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
Erythromycins		

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>erythromycin base CPEP</i>	3		KIMONO PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
<i>erythromycin base TABS</i>	3		KIMONO PS PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B		KIMONO PS MISC	0	QL(2 EA daily)
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B		KIMONO SENSATION PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3		KIMONO SENSATION MISC	0	QL(2 EA daily)
Fidaxomicin			KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 EA daily)
DIFICID TABS 200 MG (<i>fidaxomicin</i>)	2		KIMONO MISC	0	QL(2 EA daily)
<i>fidaxomicin TABS 200 MG</i>	1B		MAXX PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES			MAXX MISC	0	QL(2 EA daily)
Contraceptives			OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	REALITY LATEX CONDOMS MISC	0	QL(2 EA daily)
CAYA DPRH	0		REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 EA daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 EA daily)	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 EA daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0	QL(2 EA daily)	TROJAN BARESKIN DEVI	0	QL(2 EA daily)
DUREX TROPICAL MISC	0	QL(2 EA daily)	TROJAN MAGNUM MISC	0	QL(2 EA daily)
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)	TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 EA daily)
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	TROJAN ULTRA THIN MISC	0	QL(2 EA daily)
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 EA per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)
FEMCAP DEVI	0		TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 EA daily)
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUE COVER DEVI	0	QL(2 EA daily)
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO MAXX-LARGE FLARE MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDDERED MISC	0	QL(2 EA daily)
KIMONO MICRO THIN PLUS MISC	0	QL(2 EA daily)	TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST MISC	0	QL(2 EA daily)
			TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL MISC	0	QL(2 EA daily)

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE MISC	0	QL(2 EA daily)	CLEVER CHOICE GLUCOSE CONTROL LIQD	1B	#
TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST MISC	0	QL(2 EA daily)	CONTOUR CONTROL LIQD	1B	#
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)	DIATRUE CONTROL LEVEL 3 SOLN	1B	#
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	EASY PLUS II CONTROL SOLN	1B	#
TRUSTEX NATURAL CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 EA daily)	EASY STEP CONTROL SOLN	1B	#
TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 EA daily)	EASY TALK CONTROL SOLN	1B	#
TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 EA daily)	EASY TALK PLUS II CONTROL SOLN	1B	#
TRUSTEX-NONOXYNOL-9/RIB/STUD MISC	0	QL(2 EA daily)	EASY TRAK CONTROL SOLN	1B	#
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	0		ELEMENT CONTROL LIQD	1B	#
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	0		EMBRACE GLUCOSE CONTROL LIQD	1B	#
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	0		EMBRACE TALK GLUCOSE CONTROL SOLN	1B	#
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	0		FORA CONTROL SOLN	1B	#
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	0		FORACARE GDH CONTROL SOLN	1B	#
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	0		FORTISCARE CONTROL SOLN	1B	#
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	0		FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER	3	PA
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	0		FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
Diabetic Supplies			FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
ADVOCATE CONTROL SOLUTION LIQD	1B	#	FREESTYLE LIBRE 2 READER	3	PA
ADVOCATE REDI-CODE+ CONTROL SOLN	1B	#	FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
AGAMATRIX CONTROL SOLN	1B	#	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FREESTYLE LIBRE 3 READER	3	QL(1 EA per 365 day(s) retail); PA
FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR	3	QL(0.072 EA daily); PA
FREESTYLE LIBRE READER	3	PA
GLUCOCOM CONTROL LIQD	1B	#
INFINITY CONTROL SOLN	1B	#
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	1B	D; RX/OTC
ONETOUCH VERIO LIQD	1B	#
PRODIGY CONTROL SOLUTION SOLN	1B	#
RELION LANCET DEVICES 30G	1B	D; RX/OTC
RELION LANCETS	1B	D; RX/OTC
RIGHTEST GC300 CONTROL LIQD	1B	#
SELECT LANCETS	1B	6.66/day
SOLUS V2 CONTROL SOLN	1B	#
TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN	1B	D
UNISTRIP CONTROL SOLN	1B	#
Parenteral Therapy Supplies		
BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN	1B	D; QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA AUTOSHIELD DUO	1B	D; QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE NANO	1B	D; QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	1B	D; QL(5 EA daily); RX/OTC
EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	1B	D; QL(5 EA daily)
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day; #

MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Headaches		
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
AIMOVIG	2	QL(0.04 ML daily); PA
EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY	2	QL(0.1 ML daily); PA
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ML daily); PA
EMGALITY SOSY	2	QL(0.07 ML daily); PA
UBRELVY 50 MG	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail); ST
UBRELVY 100 MG	3	QL(16 EA per 30 day(s) retail; 16 EA per 30 days mail); ST
Migraine Combinations		
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 EA daily)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 EA per 30 day(s) retail; 10 EA per 30 days mail)
Migraine Products		
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B	
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ML daily)
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 EA daily)
Serotonin Agonists		
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST	<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 18 yrs old); ST	<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
IMITREX STATDOSE REFILL SOCT 4 MG/0.5ML, 6 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
IMITREX STATDOSE SYSTEM SOAJ 4 MG/0.5ML	2	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 EA daily); AL(At least 18 yrs old)	MINERALS & ELECTROLYTES		
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	Bicarbonates		
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>sodium acetate SOLN</i>	1B	
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1B	
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 EA daily); AL(At least 6 yrs old)	Calcium		
<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 EA daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B	
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)	Electrolyte Mixtures		
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>electrolyte-148</i>	1B	
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ML daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>electrolyte-a</i>	1B	
			IONOSOL-MB IN D5W	1B	
			ISOLYTE-P IN D5W	1B	
			ISOLYTE-S	1B	
			KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40 MEQ/L-0.9 % (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1B	
			KCL-LACTATED RINGERS-D5W	1B	
			NORMOSOL-M IN D5W	1B	
			NORMOSOL-R PH 7.4	1B	

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L	1B		<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ</i>	1B	
PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1B		MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES		
<i>potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L</i>	1B		Chelating Agents		
<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B		<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA
<i>ringer's</i>	1B		<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 EA daily)
Fluoride			<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 EA daily); SP; PA
<i>sodium fluoride CHEW</i>	0	QL(1 EA daily)	Immunomodulators		
Phosphate			<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 EA daily); SP; PA
<i>potassium phosphates 45 MMOLE/15ML</i>	1B		<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 EA daily); PA
Potassium			THALOMID	4	QL(3 EA daily); SP; PA
<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B		Immunosuppressive Agents		
<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B		ATGAM	4	SP; PA
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B		AZATHIOPRINE SODIUM	1B	
<i>potassium chloride CPCR</i>	1B		<i>azathioprine TABS</i>	1B	
<i>potassium chloride PACK PO 20 MEQ</i>	1B	PA	<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B	
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B		<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B	
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1B		<i>cyclosporine CAPS</i>	1B	
			<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
			<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 EA daily); SP; PA
			<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 EA daily); PA
			<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
			<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
			<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
			PROGRAF PACK	2	PA

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
PROGRAF SOLN 5 MG/ML (<i>tacrolimus</i>)	2		Steroids - Mouth/Throat/Dental		
SIMULECT	3		<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B	
<i>sirolimus TABS</i>	1B		Throat Products - Misc.		
<i>tacrolimus CAPS</i>	1B		<i>cevimeline hcl</i>	1B	
<i>tacrolimus SOLN 5 MG/ML</i>	1B		<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B	
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA	MULTIVITAMINS		
Irrigation Solutions			Ped MV w/ Fluoride		
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B		<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B		Prenatal Vitamins		
<i>ringer's irrigation</i>	1B		CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
<i>water for irrigation, sterile</i>	1B		CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 EA daily)
Potassium Removing Agents			EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 EA daily)
LOKELMA	3	QL(1 EA daily); PA	FT PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B		GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS	2	QL(1 EA daily)
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1B		GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS			KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)
Anesthetics Topical Oral			MASONATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ML daily)	MATRONEX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B		M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
Anti-infectives - Throat			MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
<i>clotrimazole</i>	1B		NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B				
Antiseptics - Mouth/Throat					
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B				
Dental Products					
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC			

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
NEONATAL PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 EA daily)
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
ONE VITE WOMENS PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
ONE VITE WOMENS TABS	2	QL(1 EA daily)
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 EA daily)
PRENATAL PLUS VITAMIN/MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PRENATAL VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 EA daily)
PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
PRENATAL/IRON TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 EA daily)
PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
PRENATRIX TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
PRENATRYL TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
QC PRENATAL TABS	2	QL(1 EA daily)
SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 EA daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
TRICARE TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
VITATHELY WITH GINGER TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 EA daily); RX/OTC
MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		
Central Muscle Relaxants		
<i>baclofen TABS</i>	1B	
<i>carisoprodol TABS</i>	1B	
<i>chlorzoxazone TABS 750 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 EA daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 EA daily)
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ML daily)
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
Nasal Steroids		

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal)</i>	1B	1 package(s) per fill retail
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ML per 30 day(s) retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 GM daily); RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
XEOMIN	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		
<i>atracurium besylate 50 MG/5ML</i>	3	PA
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10)	3	
CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5)	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
Miotics		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	
Ophthalmic Adrenergic Agents		
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B	
Ophthalmic Anti-infectives		
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
BESIVANCE	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B	
NATACYN	2	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>trifluridine</i>	1B	
ZIRGAN GEL	2	
Ophthalmic Immunomodulators		

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>proparacaine hcl</i>	1B	
Ophthalmic Steroids		
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ML daily)
<i>difluprednate</i>	1B	PA
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	
FML FORTE SUSP	3	PA
LOTEMAX OINT	3	PA
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1B	
<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP 0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML, 0.1 %</i>	1B	
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ML daily)
PRED MILD	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
ZYLET	3	PA
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>brinzolamide</i>	1B	
<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ML daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
LASTACFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ML daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ML daily)
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	1B	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ML daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetamide</i>	1B	QL(0.5 EA daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ML daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Monoclonal Antibodies		
BEYFORTUS	0	
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
<i>PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML</i>	1B	
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
<i>penicillin g sodium</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>naftillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1B	
<i>disulfiram</i>	1B	
<i>lofexidine hcl</i>	1B	QL(224 EA per 14 day(s) retail); PA

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ML daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B	
Combination Psychotherapeutics		
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 EA daily)
Fibromyalgia Agents		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 EA daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy		
AUSTEDO TABS	4	QL(4 EA daily); PA
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 EA daily); SP; PA
Multiple Sclerosis Agents		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
AVONEX PREFILLED PSKT	4	QL(0.0714 EA daily); SP; PA
BETASERON KIT	4	QL(0.0357 EA daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 EA daily); SP; PA
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 EA daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	4	QL(0.43 ML daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	4	QL(1 ML daily)
LEMTRADA	4	QL(3.25 ML daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ML daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ML daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ML daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 EA daily)
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 EA daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 EA daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUDEXTA	3	QL(2 EA daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>pimozide</i>	1B	
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE KIT	0	
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 EA daily)
NICOTROL NS SOLN	0	
NICOTROL INHA	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 EA daily)
<i>varenicline tartrate TBPk</i>	0	
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
PROLASTIN-C SOLR	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 EA daily); SP; PA
ORKAMBI PACK	4	QL(2 EA daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 EA daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ML daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPk	4	QL(3 EA daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 EA daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 EA daily); PA
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 EA daily)
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 EA daily)
EVEXITHROID TABS 180 MG	2	QL(1 EA daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1A	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
NP THYROID TABS	1B	QL(1 EA daily)
SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2	
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU	0	
TETANUS-DIPHThERIA TOXOIDS TD SUSP	0	
VAXELIS SUSP	0	
VAXELIS SUSY	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl- clidinium bromide</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN PO</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 EA daily)
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B	
<i>methscopolamine bromide</i>	1B	
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ML daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>nizatidine CAPS</i>	1B	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ML daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 EA daily)
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 EA daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 EA daily); RX/OTC
NEXIUM 24HR TBEC 20 MG	1B	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 EA daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	1B	QL(1 EA daily)

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 EA daily)
Ulcer Therapy Combinations		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 EA daily); RX/OTC
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>trospium chloride CP24</i>	1B	QL(1 EA daily)
<i>trospium chloride TABS</i>	1B	QL(3 EA daily)
Urinary Antispasmodics - Beta-3 Adrenergic Agonists		
<i>mirabegron TB24</i>	3	PA
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 EA daily)
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B	
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>flavoxate hcl</i>	1B	
VACCINES		
Bacterial Vaccines		
ACTHIB SOLR IM	0	
BEXSERO 0.5 ML	0	
CAPVAXIVE	0	
HIBERIX SOLR IJ	0	
MENACTRA	0	
MENQUADFI 0.5 ML	0	
MENVEO SOLR	0	
PEDVAX HIB SUSP	0	
PENBRAYA	0	
PENMENVY SUSR IM	0	AL(At least 10 yrs old - Up to 25 yrs old)
PNEUMOVAX 23 SOLN	0	
PNEUMOVAX 23 SOSY	0	
PREVNAR 13	0	
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail
TRUMENBA 0.5 ML	0	
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail
Viral Vaccines		
ABRYSVO	0	
AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AREXVY	0	

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
AUDENZ EMUL	0		FLUCELVAX SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AUDENZ PRSY	0		FLUCELVAX SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10 MCG/0.3ML	0		FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
COMIRNATY SUSP	0		FLULAVAL SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
COMIRNATY SUSY	0		FLUMIST	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail	FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail	FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD QUADRIVALENT	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail			

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440 EL U/ML	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail	PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
IPOL IJ	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail	RECOMBIVAX HB SUSP	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
JYNNEOS	0		RECOMBIVAX HB SUSY	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	ROTARIX SUSP	0	
MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML	0		ROTATEQ SOLN	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
MODERNA COVID-19 BIVALENT	0		SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP	0		SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML	0	
MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY	0		SPIKEVAX SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0		SPIKEVAX SUSY	0	
MRESVIA	0		TWINRIX SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0		VAQTA	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	0		VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50 UNIT/ML	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
NUVAXOVID COVID-19 VACCINE SUSY 5 MCG/0.5ML	0		VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT	0		VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP	0		Spermicides		
PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP	0		TODAY SPONGE MISC	0	
PFIZER-BIONT COVID-19 VAC-TRIS SUSP	0		VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE FILM	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP	0		Vaginal Anti-infectives		
PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	clindamycin phosphate vaginal CREA	1B	

Updated January 2026

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 GM per 30 day(s) retail; 5 GM per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 GM daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXX	0	PV
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 GM daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	2	QL(1.5 GM daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ</i>	1B	QL(2 EA per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
NIACIN ER TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

Updated January 2026

INDEX

abacavir sulfate SOLN	29	ACTHAR GEL PEN SC 40 UNIT/0.5ML, 80 UNIT/ML	44	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	37
abacavir sulfate TABS	29	ACTHAR GEL	44	adefovir dipivoxil	32
abacavir sulfate-lamivudine	29	ACTHIB SOLR IM	63	ADEMPAS	34
abiraterone acetate 250 MG	25	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	27	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	61
abiraterone acetate 500 MG	25	acyclovir CAPS	32	ADVOCATE CONTROL SOLUTION LIQD	51
ABRYSVO	63	acyclovir SUSP	32	ADVOCATE REDI-CODE+ CONTROL SOLN	51
acamprosate calcium	59	acyclovir TABS PO	32	AFLURIA PRESERVATIVE FREE SUSY	63
acarbose	14	acyclovir topical CREA	40	AFLURIA QUADRIVALENT SUSP	63
acebutolol hcl CAPS	32	acyclovir topical OINT	40	AFLURIA QUADRIVALENT SUSY 0.5 ML	63
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	ADACEL SUSP	62	AFLURIA SUSP	63
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	ADACEL SUSY 2 LF/0.5ML-5 LF/0.5ML-15.5 MCG/0.5ML	62	AFSTYLA 250 UNIT, 500 UNIT, 1000 UNIT, 1500 UNIT, 2000 UNIT, 2500 UNIT	47
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	ADALIMUMAB-AATY (1 PEN) AJKT . 2		AGAMATRIX CONTROL SOLN ...	51
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	ADALIMUMAB-AATY (2 PEN) AJKT . 2		AIMOVIG	52
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	ADALIMUMAB-AATY (2 SYRINGE) PSKT	2	AIMSCO LUBRICATED MISC	50
acetazolamide CP12	43	ADALIMUMAB-AATY CD/UC/HS START AJKT 80 MG/0.8ML	2	AKYNZEO	17
acetazolamide sodium	43	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	2	AKYNZEO SOLR	17
acetazolamide TABS 125 MG	43	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	2	albendazole	8
acetazolamide TABS 250 MG	43	ADALIMUMAB-ADBM (2 PEN) AJKT 3		albuterol sulfate AERS	10
acetic acid (otic)	58	ADALIMUMAB-ADBM (2 SYRINGE) PSKT	3	albuterol sulfate NEBU	10
acetic acid 0.25 %	47	ADALIMUMAB-ADBM(CD/UC/HS STRT) AJKT	3	albuterol sulfate SYRP	10
acetylcysteine SOLN	37	ADALIMUMAB-ADBM(PS/UV STARTER) AJKT	3	albuterol sulfate TABS	10
acitretin 10 MG, 17.5 MG	39	adapalene CREA	37	alclometasone dipropionate CREA	40
acitretin 25 MG	39	adapalene GEL	37	alclometasone dipropionate OINT	40
ACTEMRA ACTPEN SOAJ	3			ALDURAZYME	44
ACTEMRA SOLN 200 MG/10ML, 400 MG/20ML	3			ALECENSA	26
ACTEMRA SOLN 80 MG/4ML	3				
ACTEMRA SOSY	3				

alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	44	ambrisentan	34 59	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML	59
alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	44	amcinonide CREA	40	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML	59
alfuzosin hcl	47	amcinonide LOTN	40	amoxicillin TABS	59
ALIMTA SOLR 100 MG (pemetrexed disodium)	23	amcinonide OINT	40	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	63
ALINIA SUSR	21	amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2	amphetamine-dextroamphetamine CP24 15 MG	1
aliskiren fumarate	21	amiloride & hydrochlorothiazide ..	43	amphetamine-dextroamphetamine CP24 20 MG, 25 MG, 30 MG	1
allopurinol 100 MG, 300 MG	47	amiloride hcl TABS	43	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG, 10 MG	1
almotriptan malate 12.5 MG	52	aminocaproic acid TABS	48	amphetamine-dextroamphetamine TABS 30 MG	1
almotriptan malate 6.25 MG	52	amiodarone hcl SOLN 150 MG/3ML .	9	amphetamine-dextroamphetamine TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 12.5 MG, 15 MG, 20 MG	1
ALOCRIIL	58	amiodarone hcl TABS	9	amphotericin b IV	18
alogliptin benzoate	15	amitriptyline hcl TABS	14	ampicillin CAPS 500 MG	59
alogliptin-metformin hcl	14	amlodipine besylate TABS	33	ampicillin sodium IV 10 GM	59
alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	14	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	33	anagrelide hcl	47
alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG	14	amlodipine besylate-benazepril hcl 20		anastrozole	25
ALOMIDE	58	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	20	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
alosetron hcl	46	amlodipine besylate-valsartan	20	ANNOVERA	36
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG	8	amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide	20	ANZEMET TABS 50 MG	17
alprazolam TABS 2 MG	8	amoxapine	14	APIDRA SOLN	16
alprazolam TB24	8	amoxicillin & pot clavulanate CHEW .	59	APIDRA SOLOSTAR SOPN	16
alprazolam TBDP	8	amoxicillin & pot clavulanate SUSR	59	apomorphine hydrochloride SOCT	28
ALTABAX	38	amoxicillin & pot clavulanate TABS	59	aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG .	17
ALVESCO	9	amoxicillin & pot clavulanate TB12	59	aprepitant CAPS 80 MG	17
alvimopan	46	amoxicillin CAPS	59	aprepitant CAPS	17
amantadine hcl CAPS	28	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG .			
amantadine hcl SOLN	28				
amantadine hcl TABS	28				

APTIVUS CAPS	29	atenolol TABS	32	azithromycin TABS 600 MG	49
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 25 MCG/ML	48	ATGAM	54	aztreonam 1 GM	22
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	48	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1	bacitracin (ophthalmic)	57
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	48	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	baclofen TABS	56
ARCALYST	3	atorvastatin calcium TABS	19	balsalazide disodium CAPS	46
AREXVY	63	atovaquone	21	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 12	
arformoterol tartrate	10	atovaquone-proguanil hcl	22	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 12	
ARIKAYCE	2	atracurium besylate 50 MG/5ML ...	57	BAVENCIO	24
aripiprazole SOLN PO	29	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	62	BAXDELA SOLR	45
aripiprazole TABS	29	ATROVENT HFA	9	BAXDELA TABS	45
armodafinil	1	AUDENZ EMUL	64	BD PEN NEEDLE NANO 2ND GEN . 52	
ARMOUR THYROID TABS	61	AUDENZ PRSY	64	BELEODAQ	26
ARNUITY ELLIPTA 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT (fluticasone furoate (inhalation))	9	AURANOFIN 3 MG	3	BELRAPZO SOLN	23
arsenic trioxide 10 MG/10ML	27	AUSTEDO TABS	60	BELSOMRA	49
ARZERRA	24	avanafil	34	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	20
asenapine maleate 2.5 MG	29	AVERI TABS PO	35	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	20
asenapine maleate 5 MG, 10 MG .	29	AVONEX PEN AJKT	60	benazepril hcl	19
aspirin CHEW	5	AVONEX PREFILLED PSKT	60	BENDAMUSTINE HCL SOLN	23
aspirin TABS 325 MG	5	azacitidine SUSR	23	BENDEKA SOLN	23
aspirin TBEC 325 MG	5	AZATHIOPRINE SODIUM	54	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 37	
aspirin TBEC 81 MG	5	azathioprine TABS	54	BENZEPRO FOAM 5.3 %	37
aspirin-dipyridamole	48	azelaic acid GEL	42	benzonatate 100 MG	36
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	30	azelastine hcl (ophth)	58	benzonatate 150 MG	36
atazanavir sulfate CAPS 200 MG .	30	azelastine hcl	56	benzonatate 200 MG	36
atenolol & chlorthalidone	20	azithromycin PACK	49	benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	37
		azithromycin SUSR	49		
		azithromycin TABS 250 MG	49		
		azithromycin TABS 500 MG	49		

benzoyl peroxide GEL 10 %37	bexarotene 27	bromfenac sodium (ophth)58
benzoyl peroxide GEL 5 % 37	BEXSERO 0.5 ML 63	bromocriptine mesylate CAPS28
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 10 % .37	BEYFORTUS59	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG 28
benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 37	bicalutamide25	budesonide (inhalation) SUSP9
benztropine mesylate TABS28	BIJUVA45	budesonide (intrarectal) 7
bepotastine besilate58	BIKTARVY30	budesonide (nasal)57
BESIVANCE57	bimatoprost SOLN 58	budesonide CPEP 36
BESPONSA24	bisacodyl SUPP49	budesonide-formoterol fumarate dihydrate10
betaine44	bisacodyl TBEC49	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...43
betamethasone dipropionate (topical) CREA40	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..20	bumetanide TABS 43
betamethasone dipropionate (topical) LOTN40	bisoprolol fumarate32	buprenorphine hcl SOLN7
betamethasone dipropionate (topical) OINT40	bleomycin sulfate 15 UNIT25	buprenorphine hcl SUBL7
betamethasone dipropionate augmented CREA40	BLINCYTO 24	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG7
betamethasone dipropionate augmented LOTN40	BOOSTRIX SUSP 62	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG7
betamethasone dipropionate augmented OINT40	BOOSTRIX SUSY 62	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL7
betamethasone valerate CREA ...40	bortezomib SOLR IJ 26	buprenorphine PTWK7
betamethasone valerate FOAM ...40	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..26	bupropion hcl (smoking deterrent) 61
betamethasone valerate LOTN40	bosentan TABS 125 MG34	bupropion hcl TABS13
betamethasone valerate OINT40	bosentan TABS 62.5 MG 34	bupropion hcl TB12 13
BETASERON KIT60	bosentan TBSO 32 MG34	bupropion hcl TB24 150 MG, 300 MG13
betaxolol hcl (ophth) SOLN57	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol)10	buspirone hcl 5 MG 8
betaxolol hcl32	BREO ELLIPTA 50 MCG/INH-25 MCG/INH10	buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG8
bethanechol chloride 25 MG63	BREZTRI AEROSPHERE10	busulfan SOLN23
bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG63	brimonidine tartrate (topical)42	butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG5
bexarotene (topical)39	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 % 57	
	brimonidine tartrate-timolol maleate . 57	
	brinzolamide58	
	BRIVIACT SOLN PO 10 MG/ML ...12	

butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) TABS	47	450 MG/45ML	23
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	5	calcium chloride (dihydrate) SOLN	53	carisoprodol TABS	56
butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG	5	calcium polycarbophil TABS	49	carmustine	23
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	6	CAMPTOSAR 300 MG/15ML (irinotecan hcl)	28	carteolol hcl (ophth)	57
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	6	candesartan cilexetil	19	carvedilol	32
butalbital-aspirin-caffeine CAPS	5	candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide	20	carvedilol phosphate	32
butalbital-aspirin-caffeine w/cod	6	capecitabine	23	CAYA DPRH	50
butenafine hcl	38	CAPRELSA	26	CAYSTON	22
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	7	captopril 12.5 MG	19	cefaclor CAPS	34
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .	7	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG .	19	cefaclor SUSR 250 MG/5ML	34
CABENUVA	30	CAPVAXIVE	63	cefadroxil CAPS	34
cabergoline	45	carbamazepine CHEW 100 MG ...	12	cefadroxil SUSR	34
CABOMETYX TABS	26	carbamazepine CP12 100 MG	12	cefadroxil TABS	34
calcipotriene CREA	39	carbamazepine CP12 200 MG	12	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	34
calcipotriene OINT	39	carbamazepine CP12 300 MG	12	cefdinir CAPS	35
calcipotriene SOLN	39	carbamazepine CP12 300 MG	12	cefdinir SUSR	35
calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	40	carbamazepine SUSP	12	cefepime hcl SOLR IV 2 GM	35
calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	40	carbamazepine TABS	12	cefixime CAPS	35
calcitonin (salmon) NA	44	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	12	cefixime SUSR	35
calcitriol (topical)	39	carbamazepine TB12 200 MG	12	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	34
calcitriol CAPS	44	carbidopa	28	cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM ...	34
calcitriol SOLN IV	44	carbidopa-levodopa TABS	28	cefpodoxime proxetil SUSR	35
calcium acetate (phosphate binder) CAPS	46	carbidopa-levodopa TBCR	28	cefpodoxime proxetil TABS	35
		carbidopa-levodopa TBCR	28	cefprozil SUSR	34
		carbidopa-levodopa TBCR	28	cefprozil TABS	34
		carbidopa-levodopa-entacapone .	28	ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	35
		carbinoxamine maleate SOLN	18	cefuroxime axetil TABS	34
		carbinoxamine maleate TABS 4 MG .	18	cefuroxime sodium IJ 750 MG	35
		carboplatin SOLN 150 MG/15ML,		celecoxib	4

cephalexin CAPS	34	CHORIONIC GONADOTROPIN IM	18
cephalexin SUSR	34		
CERDELGA	48	ciclopirox GEL	38
cetirizine hcl TABS	18	ciclopirox olamine CREA	38
cevimeline hcl	55	ciclopirox olamine SUSP	38
CHEMET	17	ciclopirox SHAM	38
CHEMSTRIP K STRP	42	ciclopirox SOLN	38
chloramphenicol sodium succinate		cidofovir	32
21		cilostazol	48
chlordiazepoxide hcl CAPS	8	CIMDUO	30
chlordiazepoxide hcl-clidinium		cimetidine TABS	62
bromide	62	cinacalcet hcl	45
chlordiazepoxide-amitriptyline	60	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	57
chlorhexidine gluconate (mouth-		ciprofloxacin hcl (otic)	58
throat)	55	ciprofloxacin hcl TABS	45
chloroquine phosphate TABS 250		ciprofloxacin in d5w 200 MG/100ML .	
MG	22	45	
chloroquine phosphate TABS 500		ciprofloxacin-dexamethasone	58
MG	22	ciprofloxacin-fluocinolone acetone .	
chlorpromazine hcl SOLN	29	58	
chlorpromazine hcl TABS	29	cisplatin SOLN 100 MG/100ML	23
chlorthalidone 25 MG, 50 MG	43	cisplatin SOLN 50 MG/50ML	23
chlorzoxazone TABS 500 MG	56	citalopram hydrobromide SOLN ...	14
chlorzoxazone TABS 750 MG	56	citalopram hydrobromide TABS ...	14
cholecalciferol CAPS	66	cladribine 10 MG/10ML	23
cholecalciferol TABS 10 MCG, 400		clarithromycin SUSR	49
UNIT	66	clarithromycin TABS	49
cholestyramine light PACK	18	clarithromycin TB24	49
cholestyramine light POWD	18	CLASSIC PRENATAL TABS	55
cholestyramine PACK	19	clemastine fumarate SYRP	18
cholestyramine POWD	19	clemastine fumarate TABS 2.68 MG .	
choline fenofibrate	19		
		CLEVER CHOICE GLUCOSE	
		CONTROL LIQD	51
		CLIMARA PRO	45
		clindamycin hcl	21
		clindamycin palmitate hydrochloride .	
		21	
		clindamycin phosphate (topical)	
		FOAM	37
		clindamycin phosphate (topical) GEL	
		37	
		clindamycin phosphate (topical)	
		LOTN	37
		clindamycin phosphate (topical)	
		SOLN	37
		clindamycin phosphate (topical)	
		SWAB	37
		clindamycin phosphate SOLN IJ 9	
		GM/60ML, 300 MG/2ML, 600	
		MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000	
		MG/60ML	21
		clindamycin phosphate vaginal CREA	
			65
		clindamycin phosphate-benzoyl	
		peroxide (refrigerate)	37
		clindamycin phosphate-benzoyl	
		peroxide GEL 5 %-1 %	37
		clindamycin phosphate-tretinoin ..	37
		CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/10) ..	57
		CLINIMIX/DEXTROSE (4.25/5) ...	57
		clobazam SUSP	11
		clobazam TABS	11
		clobetasol propionate CREA 0.05 % .	
		40	
		clobetasol propionate emollient base	

0.05 %40	CODEINE SULFATE TABS5	COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...39
clobetasol propionate FOAM 40	colchicine TABS47	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .39
clobetasol propionate GEL 0.05 % 40	colchicine w/ probenecid47	COSENTYX UNOREADY SOAJ .. 39
clobetasol propionate OINT 0.05 % 40	colesevelam hcl PACK19	CREON CPEP43
clobetasol propionate SOLN 0.05 % . 40	colesevelam hcl TABS19	CRESEMBA CAPS 186 MG18
clocortolone pivalate 41	colestipol hcl GRAN19	cromolyn sodium (ophth)58
clofarabine23	colestipol hcl PACK19	cromolyn sodium NEBU9
clomipramine hcl 14	colestipol hcl TABS 19	crotamiton LOTN42
clonazepam TABS11	COMBIVENT RESPIMAT AERS .. 10	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT55
clonidine hcl (adhd) TB121	COMBIVIR (lamivudine-zidovudine) . 30	cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML 48
clonidine hcl TABS20	COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT26	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG56
clonidine PTWK20	COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT26	cyclophosphamide CAPS23
clopidogrel bisulfate 300 MG 48	COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT26	cyclophosphamide SOLR IJ23
clopidogrel bisulfate 75 MG48	COMIRNATY 5-11 YEARS SUSP 10 MCG/0.3ML64	cycloserine 23
clorazepate dipotassium TABS 8	COMIRNATY SUSP 64	cyclosporine (ophth) EMUL58
clotrimazole (topical) CREA38	COMIRNATY SUSY 64	cyclosporine CAPS 54
clotrimazole (topical) SOLN38	COMPLERA 200 MG-300 MG-25 MG (emtricitabine- rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate)30	cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS 54
clotrimazole55	CONTOUR CONTROL LIQD51	cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN 54
clotrimazole vaginal CREA 1 % ...66	CORDRAN TAPE41	cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML . 54
clotrimazole w/ betamethasone CREA38	CORTISPORIN-TC58	cyproheptadine hcl SYRP18
clotrimazole w/ betamethasone LOTN38	COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY . 39	cyproheptadine hcl TABS18
clozapine TABS29	COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ39	CYRAMZA24
clozapine TBDP 100 MG29	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ39	CYSTAGON CAPS 47
clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 29		CYSTARAN58
clozapine TBDP 25 MG29		dabigatran etexilate mesylate CAPS . 11
COARTEM 22		
codeine sulfate TABS 30 MG5		

dactinomycin	25	DEPO-MEDROL SUSP	36	CONC	36
dalfampridine	60	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	36	dexamethasone sodium phosphate (ophth)	58
danazol CAPS	7	DESCOVY 200 MG-25 MG	30	dexamethasone SOLN	36
dantrolene sodium CAPS	56	DESFERAL 500 MG (deferoxamine mesylate)	17	dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG	36
dapagliflozin propanediol	16	desipramine hcl TABS	14	dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	36
dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG	14	desloratadine TABS	18	dexlansoprazole	62
dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG	15	desloratadine TBDP 2.5 MG	18	dexmethylphenidate hcl CP24	1
dapsone	21	desmopressin acetate SOLN IJ ...	45	dexmethylphenidate hcl TABS	1
DAPTACEL	62	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	45	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG	1
daptomycin 500 MG	21	desmopressin acetate spray	45	dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG	1
darifenacin hydrobromide	63	desmopressin acetate spray refrigerated 0.01 %	45	dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG . 1	
darunavir TABS 600 MG	30	desmopressin acetate TABS 0.1 MG 45		dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG	1
darunavir TABS 800 MG	30	desmopressin acetate TABS 0.2 MG 45		DIACOMIT CAPS 250 MG	12
DARZALEX	24	desogestrel & ethinyl estradiol ...	35	DIACOMIT CAPS 500 MG	12
dasatinib	26	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)	35	DIACOMIT PACK 250 MG	12
DAUNORUBICIN HCL SOLN 50 MG/10ML (daunorubicin hcl)	26	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)	35	DIACOMIT PACK 500 MG	12
daunorubicin hcl SOLN 50 MG/10ML 26		desonide CREA	41	DIATRUE CONTROL LEVEL 3 SOLN	51
DAURISMO	25	desonide LOTN	41	diazepam (anticonvulsant) GEL ...	12
decitabine	23	desonide OINT	41	diazepam CONC	8
deferasirox PACK	17	desoximetasone CREA 0.25 % ...	41	diazepam SOLN PO 5 MG/5ML	8
deferasirox TABS	17	desoximetasone GEL	41	diazepam TABS	8
deferasirox TBSO	17	desoximetasone OINT 0.25 %	41	diazoxide	15
deferoxamine mesylate	17	desvenlafaxine succinate	14	diclofenac epolamine PTCH EX ...	39
deflazacort TABS	36	dexamethasone ELIX	36	diclofenac potassium TABS 50 MG .	4
DELSTRIGO	30	DEXAMETHASONE INTENSOL			
demeclocycline hcl TABS	61				
DEPO-ESTRADIOL	45				

diclofenac sodium (actinic keratoses) EX	39	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG	33	docusate sodium CAPS 100 MG ..	49
diclofenac sodium (ophth)	58	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG	33	docusate sodium CAPS 250 MG ..	49
diclofenac sodium (topical) GEL EX 39		diltiazem hcl CP12	33	dofetilide	9
diclofenac sodium TB24	4	diltiazem hcl CP24	33	donepezil hydrochloride TABS 10 MG	60
diclofenac sodium TBEC	4	diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG	33	donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG	60
diclofenac w/ misoprostol TBEC	4	diltiazem hcl extended release beads 420 MG	33	donepezil hydrochloride TBDP 10 MG	60
dicloxacillin sodium	59	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	33	donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 60	
dicyclomine hcl CAPS	62	DILTIAZEM HCL SOLR	33	dorzolamide hcl	58
dicyclomine hcl SOLN PO	62	diltiazem hcl TABS	33	dorzolamide hcl-timolol maleate ..	57
dicyclomine hcl TABS	62	diltiazem hcl TB24	33	DOVATO	30
DIFFERIN LOTN	37	dimethyl fumarate CDPK	60	doxazosin mesylate	20
DIFICID TABS 200 MG (fidaxomicin) 50		dimethyl fumarate CPDR	60	doxepin hcl (antipruritic)	39
diflorasone diacetate CREA	41	DIPENTUM	46	doxepin hcl (sleep)	49
diflorasone diacetate OINT	41	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 18		doxepin hcl CAPS	14
diflunisal TABS	5	diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML	18	doxepin hcl CONC	14
difluprednate	58	diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML	18	doxercalciferol CAPS	45
digoxin SOLN PO 0.05 MG/ML	33	diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	16	doxercalciferol SOLN	45
digoxin TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG	33	diphenoxylate w/ atropine TABS ...	17	doxorubicin hcl SOLR 10 MG	26
dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML	52	dipyridamole	48	doxorubicin hcl SOLR 50 MG	26
dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML	52	disopyramide phosphate CAPS	8	doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG	61
DILANTIN (phenytoin sodium extended)	13	disulfiram	59	doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	61
DILANTIN	13	divalproex sodium TB24	13	doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	61
DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)	13	divalproex sodium TBEC	13	doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG	61
DILANTIN SUSP (phenytoin)	13	docetaxel CONC 20 MG/ML	27	doxycycline hyclate CAPS	61
DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .	13	docusate calcium	49	doxycycline hyclate TABS 20 MG,	

100 MG	61	efavirenz CAPS 200 MG	30	LIQD	51
doxylamine-pyridoxine TBEC	17	efavirenz CAPS 50 MG	30	EMBRACE TALK GLUCOSE CONTROL SOLN	51
dronabinol CAPS	17	efavirenz TABS	30	EMCYT	25
drospirenone-ethinyl estradiol	35	efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	30	EMGALITY (300 MG DOSE) SOSY 52	
drospirenone-ethinyl estradiol- levomefolate calcium	35	efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	30	EMGALITY SOAJ	52
DROXIA CAPS	48	ELAPRASE	45	EMGALITY SOSY	52
DUAVEE	45	electrolyte-148	53	EMPLICITI	24
DULERA	10	electrolyte-a	53	EMSAM	13
duloxetine hcl CPEP	14	ELEMENT CONTROL LIQD	51	emtricitabine CAPS	30
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML 42		ELESTRIN GEL	45	emtricitabine-rilpivirine-tenofovir disoproxil fumarate	30
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ...	42	eletriptan hydrobromide	53	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG- 200 MG, 167 MG-250 MG	30
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 42		ELIGARD KIT SC 7.5 MG	25	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	30
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	42	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	25	EMTRIVA CAPS (emtricitabine) ...	30
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	50	ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK	11	EMTRIVA SOLN	30
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	50	ELIQUIS TABS	11	EMVERM CHEW	8
DUREX TROPICAL MISC	50	ELITEK	27	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20	
dutasteride	47	ELLA	36	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20	
dutasteride-tamsulosin hcl	47	ELMIRON CAPS	47	enalapril maleate TABS	19
EASY PLUS II CONTROL SOLN ..	51	eltrombopag olamine PACK 12.5 MG, 25 MG	48	ENBREL MINI SOCT	4
EASY STEP CONTROL SOLN	51	eltrombopag olamine TABS 12.5 MG, 25 MG, 50 MG, 75 MG	48	ENBREL SOLN	4
EASY TALK CONTROL SOLN	51	EMBECTA AUTOSHIELD DUO ...	52	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4
EASY TALK PLUS II CONTROL SOLN	51	EMBECTA PEN NEEDLE NANO .	52	ENBREL SOSY 50 MG/ML	4
EASY TRAK CONTROL SOLN	51	EMBECTA PEN NEEDLE NANO 2 GEN	52	ENBREL SURECLICK SOAJ	4
econazole nitrate CREA	38	EMBECTA PEN NEEDLE ULTRAFINE	52	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ...	64
EDARBI	20	EMBRACE GLUCOSE CONTROL			
EDURANT	30				

ENGERIX-B SUSY	64	ERBITUX	24	estazolam	49
enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	11	ergocalciferol CAPS	66	estradiol GEL	45
enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	11	ergocalciferol SOLN PO 200 MCG/ML	66	estradiol PTTW	45
enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	11	ergoloid mesylates TABS	60	estradiol PTWK	45
enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	11	ERGOMAR SUBL	52	estradiol TABS	45
enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	11	ergotamine w/ caffeine TABS	52	estradiol vaginal CREA	66
enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	11	eribulin mesylate	27	estradiol vaginal TABS	66
entacapone	28	ERIVEDGE	25	estradiol valerate	45
entecavir TABS	32	ERLEADA 240 MG	25	estrogens, conjugated TABS 0.3 MG, 0.45 MG, 0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG	45
EPIDIOLEX	12	ERLEADA 60 MG	25	eszopiclone	49
epinastine hcl (ophth)	58	erlotinib hcl	24	ethacrynic acid	43
epinephrine (anaphylaxis) SOAJ ..	66	ERTACZO	38	ethambutol hcl TABS	23
EPIVIR SOLN (lamivudine)	30	ertapenem sodium IJ	21	ethosuximide CAPS	13
EPIVIR TABS 150 MG (lamivudine) 30	30	erythromycin (acne aid) PADS	37	ethosuximide SOLN	13
EPIVIR TABS 300 MG (lamivudine) 30	30	erythromycin (acne aid) SOLN	37	ethynodiol diacet & eth estrad	35
eplerenone	21	erythromycin (ophth)	57	etodolac CAPS	4
epoprostenol sodium	34	erythromycin base CPEP	50	etodolac TABS	4
eptifibatide 200 MG/100ML	48	erythromycin base TABS	50	etonogestrel-ethinyl estradiol	36
EPZICOM (abacavir sulfate- lamivudine)	30	erythromycin base TBEC	50	ETOPOPHOS	27
EQL PRENATAL FORMULA TABS 55	55	erythromycin ethylsuccinate SUSR 50	50	etoposide CAPS	27
EQUETRO 100 MG	28	erythromycin ethylsuccinate TABS 50	50	etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	27
EQUETRO 200 MG	28	escitalopram oxalate SOLN	14	etravirine 100 MG	30
EQUETRO 300 MG	28	escitalopram oxalate TABS	14	etravirine 200 MG	30
		eslicarbazepine acetate 200 MG, 400 MG, 600 MG, 800 MG	12	EUCRISA	42
		esomeprazole magnesium CPDR 20 MG	62	EVAMIST SOLN	45
		esomeprazole magnesium CPDR 40 MG	62	everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	54
		esomeprazole magnesium TBEC ..	62	everolimus (immunosuppressant) 1 MG	54

everolimus TABS	26	FEMRING	66	FLUARIX SUSY	64
EVEXITHROID TABS 180 MG	61	fenofibrate micronized 43 MG, 130 MG	19	FLUBLOK QUADRIVALENT	64
EVOMELA IV	23	fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG	19	FLUBLOK SOSY	64
EVOTAZ	30	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19	FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSP	64
exemestane	25	fenoprofen calcium TABS	4	FLUCELVAX QUADRIVALENT SUSY	64
ezetimibe	19	FENSOLVI (6 MONTH) SC	44	FLUCELVAX SUSP	64
ezetimibe-simvastatin	18	fentanyl citrate LPOP	5	FLUCELVAX SUSY	64
famciclovir 125 MG, 250 MG	32	fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5	fluconazole SUSR	18
famciclovir 500 MG	32	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML, 15 MG/ML	48	fluconazole TABS	18
famotidine in nacl SOLN	62	ferrous sulfate TABS 325 MG, 65 MG, 325 MG	48	flucytosine	18
famotidine SUSR	62	ferrous sulfate TBEC 325 MG	48	fludarabine phosphate SOLN	23
famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	62	fesoterodine fumarate	63	fludarabine phosphate SOLR	23
FANAPT	29	FETZIMA CP24	14	fludrocortisone acetate TABS	36
FANAPT TITRATION PACK A	29	FETZIMA TITRATION C4PK	14	FLULAVAL QUADRIVALENT SUSY .	64
FANTASY LUBRICATED MISC ...	50	fidaxomicin TABS 200 MG	50	FLULAVAL SUSY	64
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	50	finasteride	47	FLUMIST	64
FARXIGA (dapagliflozin propanediol)	16	fingolimod hcl	60	FLUMIST QUADRIVALENT	64
FASENRA PEN SOAJ	9	FIRMAGON (240 MG DOSE)	25	flunisolide (nasal)	57
FASENRA SOSY 10 MG/0.5ML	9	FIRMAGON 80 MG	25	fluocinolone acetonide (otic)	59
FASENRA SOSY 30 MG/ML	9	flavoxate hcl	63	fluocinolone acetonide CREA 0.01 %	41
FC2 FEMALE CONDOM	50	flecainide acetate	9	fluocinolone acetonide CREA 0.025 %	41
febuxostat	47	floxuridine	23	fluocinolone acetonide OIL	41
felbamate SUSP	13	FLUAD	64	fluocinolone acetonide OINT	41
felbamate TABS 400 MG	13	FLUAD QUADRIVALENT	64	fluocinolone acetonide SOLN	41
felbamate TABS 600 MG	13	FLUARIX QUADRIVALENT SUSY	64	fluocinonide CREA 0.05 %	41
felodipine	33			fluocinonide CREA 0.1 %	41
FEMCAP DEVI	50			fluocinonide emulsified base	41
FEMLYV TBDP	35				

fluocinonide GEL41	fluticasone propionate hfa9	FORA TEST N'GO ADV-VOICE-6 CON43
fluocinonide OINT41	fluticasone propionate LOTN41	FORACARE GDH CONTROL SOLN . 51
fluocinonide SOLN41	fluticasone propionate OINT41	formoterol fumarate NEBU10
fluorometholone (ophth) SUSP58	fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT10	FORTISCARE CONTROL SOLN .51
fluorouracil (topical) CREA 5 %39	fluticasone-salmeterol AEPB 113 MCG/ACT-14 MCG/ACT, 232 MCG/ACT-14 MCG/ACT, 55 MCG/ACT-14 MCG/ACT10	FOSAMAX PLUS D44
fluorouracil (topical) SOLN39	fluticasone-salmeterol AERO10	fosamprenavir calcium TABS30
fluorouracil 1 GM/20ML, 2.5 GM/50ML, 5 GM/100ML23	fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...19	fosfomycin tromethamine22
fluorouracil 500 MG/10ML23	fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...19	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide20
fluoxetine hcl CAPS14	fluvoxamine maleate TABS14	fosinopril sodium19
fluoxetine hcl CPDR14	FLUZONE HIGH-DOSE QUADRIVALENT64	fosphenytoin sodium13
fluoxetine hcl SOLN14	FLUZONE HIGH-DOSE SUSY64	FRAGMIN SOSY11
fluoxetine hcl TABS14	FLUZONE QUADRIVALENT SUSP 64	FREESTYLE LIBRE 14 DAY READER51
fluphenazine hcl CONC29	FLUZONE QUADRIVALENT SUSY 64	FREESTYLE LIBRE 14 DAY SENSOR51
fluphenazine hcl ELIX29	FLUZONE SUSP64	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS SENSOR51
fluphenazine hcl SOLN29	FLUZONE SUSY64	FREESTYLE LIBRE 2 READER ..51
fluphenazine hcl TABS29	FML FORTE SUSP58	FREESTYLE LIBRE 2 SENSOR ..51
flurandrenolide CREA41	folic acid TABS48	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS SENSOR51
flurandrenolide LOTN41	FOLOTYN 40 MG/2ML23	FREESTYLE LIBRE 3 READER ..52
flurazepam hcl49	fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11	FREESTYLE LIBRE 3 SENSOR ..52
flurbiprofen sodium58	fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML, 7.5 MG/0.6ML, 10 MG/0.8ML11	FREESTYLE LIBRE READER52
flurbiprofen TABS4	FORA CONTROL SOLN51	frovatriptan succinate53
fluticasone furoate (inhalation) 50 MCG/ACT, 100 MCG/ACT, 200 MCG/ACT9	FORA GTTEL BLOOD KETONE TEST42	FT PRENATAL TABS55
fluticasone furoate-vilanterol10		fulvestrant SOSY25
fluticasone propionate (inhalation) AEPB9		furosemide SOLN PO 8 MG/ML, 10 MG/ML43
fluticasone propionate (nasal) SUSP . 57		furosemide TABS43
fluticasone propionate CREA 0.05 % 41		

FUZEON SOLR	30	60	GOHIBIC	47
gabapentin CAPS	12	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML .	GOJJI BLOOD KETONE TEST ...	43
gabapentin SOLN	12	60	granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	17
gabapentin TABS 600 MG, 800 MG		GLEOSTINE 10 MG (lomustine) ..	granisetron hcl TABS	17
12		GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	GRANIX SOLN 300 MCG/ML	48
galantamine hydrobromide CP24 .	60	(lomustine)	GRANIX SOSY	48
galantamine hydrobromide SOLN .	60	23	GRASTEK SUBL	2
galantamine hydrobromide TABS .	60	glimepiride 1 MG, 2 MG	griseofulvin microsize SUSP	18
ganciclovir sodium SOLR	32	16	griseofulvin microsize TABS	18
ganirelix acetate	44	glimepiride 4 MG	griseofulvin ultramicrosize	18
GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML	64	16	guanfacine hcl (adhd)	1
GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML	64	glipizide TABS 5 MG, 10 MG	guanfacine hcl	20
gatifloxacin (ophth)	57	16	GYNAZOLE-1	66
GAZYVA	24	glipizide TB24	HAEGARDA SOLR SC	47
gefitinib	24	16	halcinonide CREA	41
gemcitabine hcl SOLR 1 GM	24	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5	halobetasol propionate CREA	41
gemcitabine hcl SOLR 2 GM	24	MG, 500 MG-2.5 MG	halobetasol propionate OINT	41
gemcitabine hcl SOLR 200 MG ...	24	15	HALOG OINT	41
gemfibrozil TABS	19	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG	haloperidol decanoate	29
GENOTROPIN CART SC	44		haloperidol lactate CONC	29
GENOTROPIN MINISQUICK PRSY 44			haloperidol lactate SOLN	29
gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9		GLUCAGEN DIAGNOSTIC	haloperidol TABS	29
% , 1 MG/ML-0.9 % , 1.2 MG/ML-0.9		42	HAVRIX IM 720 EL U/0.5ML, 1440	
% , 1.6 MG/ML-0.9 %	2	glucagon SOLR IJ 1 MG	EL U/ML	65
gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..	57	15	HEMANGEOL SOLN PO	32
gentamicin sulfate (topical) CREA .	38	GLUCOCOM CONTROL LIQD ...	HEMATINIC/FOLIC ACID	48
gentamicin sulfate (topical) OINT ..	38	52	HEPARIN (PORCINE) IN NACL	
gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML	2	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG,	SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	
GENVOYA	30	6 MG	11	
GILOTRIF	25	16	heparin sodium (porcine) SOLN IJ	
glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML .		glyburide TABS	5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML,	
		16	20000 UNIT/ML	11
		glyburide-metformin 250 MG-1.25		
		MG		
		15		
		glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG,		
		500 MG-5 MG		
		15		
		glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..		
		47		
		glycopyrrolate SOLN IJ 4 MG/20ML		
		62		
		glycopyrrolate TABS 1 MG		
		62		
		glycopyrrolate TABS 2 MG		
		62		
		GLYXAMBI		
		15		
		GNP PRENATAL TABS		
		55		
		GNP PRENATAL/FOLIC ACID TABS		
				
		55		

HEPLISAV-B SOSY65	hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML7	hydrocortisone valerate OINT 41
HIBERIX SOLR IJ63		hydrocortisone w/acetic acid59
HUMATROPE CART IJ44		hydromorphone hcl LIQD 5
HUMIRA (2 PEN) AJKT 80 MG/0.8ML3	hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML6	hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML . 5
HUMIRA (2 PEN) AJKT3	hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG7	hydromorphone hcl TABS5
HUMIRA (2 SYRINGE) PSKT3		hydromorphone hcl TB24 32 MG ... 5
HUMIRA-CD/UC/HS STARTER AJKT3	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG7	hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG5
HUMIRA-PED<40KG CROHNS STARTER PSKT3	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG7	hydroxychloroquine sulfate 100 MG 22
HUMIRA-PED>=40KG CROHNS START PSKT3	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG7	hydroxychloroquine sulfate 200 MG 22
HUMIRA-PED>=40KG UC STARTER AJKT3	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG7	hydroxychloroquine sulfate 400 MG 22
HUMIRA-PS/UV/ADOL HS STARTER AJKT3	hydrocortisone (intrarectal)7	hydroxyurea27
HUMIRA-PSORIASIS/UVEIT STARTER AJKT3	hydrocortisone (rectal) EX7	hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ... 8
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC16	hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %41	hydroxyzine hcl SYRP8
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC16	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 41	hydroxyzine hcl TABS8
HYCAMTIN CAPS28	hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %41	hydroxyzine pamoate CAPS8
hydralazine hcl SOLN21	hydrocortisone acetate (rectal)7	HYPERSAL NEBU37
hydralazine hcl TABS21	hydrocortisone butyrate CREA 41	HYQVIA 59
hydrochlorothiazide CAPS43	hydrocortisone butyrate OINT 41	HYSINGLA ER T24A5
hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 43	hydrocortisone butyrate SOLN41	ibandronate sodium SOLN 44
hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG43	hydrocortisone sod succinate 100 MG 36	ibandronate sodium TABS44
hydrocodone bitartrate T24A5	hydrocortisone TABS 36	IBRANCE CAPS26
hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER .37	hydrocortisone vaginal 66	IBRANCE TABS 26
	hydrocortisone valerate CREA41	ibuprofen SUSP 100 MG/5ML, 200 MG/10ML4
		ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG ..4
		ibuprofen TABS 800 MG4

icatibant acetate SOSY	47	16	ISOLYTE-P IN D5W	53
ICLUSIG	26	INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN	ISOLYTE-S	53
icosapent ethyl 1 GM	18	16	isoniazid SOLN	23
idarubicin hcl 20 MG/20ML	26	INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL)	isoniazid SYRP	23
idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10		SOPN	isoniazid TABS	23
MG/10ML	26	INSULIN LISPRO JUNIOR	isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10	
IFEX SOLR	23	KWIKPEN SOPN	MG, 20 MG, 30 MG	8
ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	23	INSULIN LISPRO PROT & LISPRO	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl	
ifosfamide SOLR	23	SUPN	33	
IFOSFAMIDE SOLR	23	INSULIN LISPRO SOLN IJ	isosorbide mononitrate TABS	8
imatinib mesylate TABS	26	INTELENCE 100 MG (etravirine) ..	isosorbide mononitrate TB24	8
IMFINZI	24	30	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG,	
imipramine hcl TABS	14	INTELENCE 200 MG (etravirine) ..	40 MG	37
imipramine pamoate	14	30	isradipine CAPS	33
imiquimod 5 %	42	IONOSOL-MB IN D5W	itraconazole CAPS	18
IMITREX STATDOSE REFILL SOCT		IPOL IJ	itraconazole SOLN	18
4 MG/0.5ML, 6 MG/0.5ML	53	65	ivabradine hcl TABS	34
IMITREX STATDOSE SYSTEM		ipratropium bromide (nasal) 0.03 %	ivermectin (pediculicide)	42
SOAJ 4 MG/0.5ML	53	56	ivermectin	8
INCRELEX	44	ipratropium bromide (nasal) 0.06 %	IXEMPRA KIT 15 MG	27
INCRUSE ELLIPTA	9	56	IXEMPRA KIT 45 MG	27
indapamide TABS 1.25 MG	44	ipratropium bromide SOLN 0.02 % .	JAKAFI	26
indapamide TABS 2.5 MG	44	9	JANUMET TABS	15
indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG		ipratropium-albuterol SOLN	JANUMET XR TB24 1000 MG-100	
4		10	MG	15
indomethacin CPCR	4	irbesartan	JANUMET XR TB24 1000 MG-50	
INFANRIX	62	20	MG, 500 MG-50 MG	15
INFED	48	irbesartan-hydrochlorothiazide ...	JANUVIA	15
INFINITY CONTROL SOLN	52	20	JARDIANCE	16
INFLECTRA SOLR	46	irinotecan hcl 300 MG/15ML	JULUCA	30
INLYTA	24	28	JYNNEOS	65
INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN		irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100	KADCYLA	24
		MG/5ML		
		28		
		iron sucrose 20 MG/ML		
		48		
		irrigation solutions, physiological ..		
		55		
		ISENTRESS CHEW		
		30		
		ISENTRESS HD TABS		
		30		
		ISENTRESS PACK		
		30		
		ISENTRESS TABS		
		30		

KALETRA SOLN	30	KIMONO PS PLUS MISC	50	lamivudine (hbv) TABS	32
KALETRA TABS (lopinavir-ritonavir) .	30	KIMONO SENSATION MISC	50	lamivudine SOLN	30
KALYDECO TABS	61	KIMONO SENSATION PLUS MISC	50	lamivudine TABS 150 MG	30
KAMELEON LUBRICATED MISC .	50	KIMONO SPECIAL DEVI	50	lamivudine TABS 300 MG	30
KANJINTI	24	KINRIX SUSY	62	lamivudine-zidovudine	30
KCL IN DEXTROSE-NACL 5 %-40		KISQALI (200 MG DOSE)	26	lamotrigine CHEW 25 MG	12
MEQ/L-0.9 % (potassium chloride in		KISQALI (400 MG DOSE)	26	lamotrigine CHEW 5 MG	12
dextrose & sodium chloride)	53	KISQALI (600 MG DOSE)	26	lamotrigine TABS	12
KCL-LACTATED RINGERS-D5W	53	KISQALI FEMARA (200 MG DOSE) .	26	lamotrigine TBDP	12
ketoconazole (topical) CREA	38	KISQALI FEMARA (400 MG DOSE) .	26	LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	33
ketoconazole (topical) SHAM 2 % .	38	KISQALI FEMARA (600 MG DOSE) .	26	LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125	
ketoconazole	18	KP PRENATAL MULTIVITAMINS		MCG, 250 MCG (digoxin)	33
KETONE TEST STRP	43	TABS	55	lansoprazole CPDR 15 MG	62
ketoprofen CAPS 50 MG	4	KRINTAFEL	22	lansoprazole CPDR 30 MG	62
ketorolac tromethamine (ophth) ...	58	KYPROLIS	26	lanthanum carbonate CHEW	47
ketorolac tromethamine TABS	4	labetalol hcl SOLN	32	lapatinib ditosylate	26
KETOSTIX STRP	43	labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG .	32	LASTACFT	58
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %	58	labetalol hcl TABS 300 MG	32	latanoprost SOLN	58
KEVZARA SOAJ	3	lacosamide SOLN PO 10 MG/ML, 50		leflunomide	4
KEVZARA SOSY	3	MG/5ML, 100 MG/10ML	12	LEMTRADA	60
KEYTRUDA	24	lacosamide TABS	12	lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG,	
KHAPZORY 175 MG	27	lactated ringer's (irrigation)	55	15 MG, 25 MG	54
KIMONO COLORS DEVI	50	lactic acid (ammonium lactate) CREA		lenalidomide 20 MG	54
KIMONO MAXX-LARGE FLARE			42	LENVIMA (10 MG DAILY DOSE) .	24
MISC	50	lactic acid (ammonium lactate) LOTN		LENVIMA (12 MG DAILY DOSE) .	24
KIMONO MICRO THIN PLUS MISC .	50	12 %	42	LENVIMA (14 MG DAILY DOSE) .	24
KIMONO MISC	50	lactulose (encephalopathy)	46	LENVIMA (18 MG DAILY DOSE) .	24
KIMONO PLUS MISC	50	lactulose SOLN	49	LENVIMA (20 MG DAILY DOSE) .	24
KIMONO PS MISC	50			LENVIMA (24 MG DAILY DOSE) .	24
				LENVIMA (4 MG DAILY DOSE) ..	24
				LENVIMA (8 MG DAILY DOSE) ..	24

letrozole	25	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)	35	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	19
leucovorin calcium SOLR	27	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG	35	lithium	28
leucovorin calcium TABS	27	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)	35	lithium carbonate CAPS	28
LEUKERAN	23	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 35		lithium carbonate TABS	28
LEUKINE SOLR IJ	48			lithium carbonate TBCR	28
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML	25			LO LOESTRIN FE TABS	35
levabuterol hcl	10	levorphanol tartrate TABS 2 MG	5	lofexidine hcl	59
levabuterol hcl 1.25 MG/0.5ML	10	levothyroxine sodium TABS	61	LOKELMA	55
levabuterol tartrate	10	LEXIVA SUSP	30	lomustine 10 MG	23
levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 12		LEXIVA TABS (fosamprenavir calcium)	30	lomustine 40 MG, 100 MG	23
levetiracetam TABS 1000 MG	12	LIBTAYO	24	loperamide hcl CAPS	17
levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG	12	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ...	55	lopinavir-ritonavir SOLN	30
levetiracetam TABS 500 MG	12	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ...	55	lopinavir-ritonavir TABS	31
levetiracetam TB24	12	lidocaine hcl GEL 2 %	42	LOQTORZI	24
levobunolol hcl 0.5 %	57	lidocaine hcl PRSY	42	loratadine CAPS	18
levocetirizine dihydrochloride SOLN 18		lidocaine hcl SOLN	42	loratadine CHEW	18
levocetirizine dihydrochloride TABS 18		lidocaine hcl PTCH 5 %	42	loratadine SOLN	18
levofloxacin (ophth) 0.5 %	57	lidocaine-prilocaine CREA	42	loratadine TABS	18
levofloxacin in d5w 500 MG/100ML 45		lincomycin hcl	21	loratadine TBDP	18
levofloxacin SOLN PO	45	linezolid SUSR	22	lorazepam CONC	8
levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG .	46	linezolid TABS	22	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG	8
levofloxacin TABS 500 MG	46	LINZESS	46	lorazepam TABS 1 MG	8
levonorgestrel & eth estradiol TABS 35		liothyronine sodium SOLN	61	LORBRENA	26
levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG	36	liothyronine sodium TABS	62	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	20
		liraglutide	15	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG .	20
		lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1		losartan potassium	20
		lisdexamfetamine dimesylate CHEW .	1	LOTEMAX OINT	58
		lisinopril & hydrochlorothiazide ...	20		

loteprednol etabonate GEL58	meclizine hcl TABS 12.5 MG 17	meperidine hcl TABS 50 MG5
loteprednol etabonate SUSP 58	meclizine hcl TABS 25 MG 17	meprobamate8
lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ... 19	meclofenamate sodium CAPS4	mercaptopurine TABS 24
lovastatin TABS 40 MG19	MEDROL TABS36	mesalamine CP24 46
loxapine succinate29	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM36	mesalamine CPDR 46
lubiprostone46	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM36	mesalamine ENEM 46
luliconazole38	medroxyprogesterone acetate 10 MG59	mesalamine SUPP46
LUMAKRAS 120 MG, 240 MG26		mesalamine TBEC 1.2 GM 46
LUMAKRAS 320 MG26		mesalamine TBEC 800 MG 46
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM25	medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG59	mesna SOLN 27
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM25	mefenamic acid CAPS 4	MESNEX SOLN (mesna)27
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM . 25	mefloquine hcl22	metaxalone 800 MG 56
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM . 25	megestrol acetate (appetite) 59	metformin hcl TABS 1000 MG15
	megestrol acetate SUSP25	metformin hcl TABS 500 MG 15
lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG29	megestrol acetate TABS25	metformin hcl TABS 850 MG 15
lurasidone hcl 80 MG28	MEKINIST TABS 0.5 MG26	metformin hcl TB24 500 MG15
LYNPARZA TABS26	MEKINIST TABS 2 MG26	metformin hcl TB24 750 MG15
LYSODREN25	meloxicam TABS4	methadone hcl CONC5
mafenide acetate PACK40	melphalan23	METHADONE HCL SOLN IJ (methadone hcl)5
malathion42	melphalan hcl IV23	methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML .5
maraviroc TABS 150 MG31	memantine hcl TABS 60	methadone hcl SOLN PO 10 MG/5ML 5
maraviroc TABS 300 MG31	MENACTRA63	methadone hcl SOLN PO 5 MG/5ML 5
MARPLAN13	MENEST 2.5 MG45	methadone hcl TABS 10 MG5
MASONATAL TABS55	MENOSTAR PTWK45	methadone hcl TABS 5 MG5
MATRONEX TABS55	MENQUADFI 0.5 ML63	methadone hcl TBSO 5
MATULANE27	MENVEO SOLR 63	methamphetamine hcl1
MAXIDEX SUSP OP58	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML 5	methazolamide TABS43
MAXX MISC50	meperidine hcl SOLN PO 50 MG/5ML 5	methenamine hippurate22
MAXX PLUS MISC50		

methimazole TABS 61	54 MG 2	metronidazole vaginal 66
methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG 56	methylphenidate PTCH 2	mexiletine hcl 9
methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML 24	methylprednisolone acetate SUSP 36	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG 66
methotrexate sodium SOLR 24	methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG 36	midodrine hcl 66
methotrexate sodium TABS 2.5 MG 24	methylprednisolone TABS 36	miglitol 14
methoxsalen rapid 39	methylprednisolone TBPk 36	miglustat 48
methscopolamine bromide 62	methyltestosterone TABS 7	minocycline hcl CAPS 61
methsuximide 13	metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML 46	minocycline hcl TABS 61
methyldopa TABS 20	metoclopramide hcl SOLN PO 5 MG/5ML, 10 MG/10ML 46	minoxidil 2.5 MG, 10 MG 21
methylphenidate hcl CHEW 10 MG .1	metoclopramide hcl TABS 46	mirabegron TB24 63
methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG 1	metolazone 44	MIRCERA 48
methylphenidate hcl CHEW 5 MG .. 1	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG 20	mirtazapine TABS 13
methylphenidate hcl CP24 10 MG, 20 MG, 40 MG, 60 MG 1	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG 20	mirtazapine TBDP 13
methylphenidate hcl CP24 30 MG .. 1	metoprolol succinate TB24 200 MG 32	misoprostol 63
methylphenidate hcl CP24 1	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG 32	mitomycin SOLR IV 20 MG 26
methylphenidate hcl CPR 2	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML 32	mitoxantrone hcl 25 MG/12.5ML ... 26
methylphenidate hcl SOLN 2	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG 32	M-M-R II SOLR 65
methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG 2	metronidazole (topical) CREA 42	M-NATAL PLUS TABS 55
methylphenidate hcl TABS 5 MG ... 2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 42	MNEXSPIKE SUSY 10 MCG/0.2ML . 65
methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG 2	metronidazole (topical) GEL 1 % .. 42	modafinil 100 MG 2
methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG 2	metronidazole (topical) LOTN 42	modafinil 200 MG 2
methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG 2	metronidazole TABS 250 MG, 500 MG 21	MODERNA COVID-19 BIVALENT 65
methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG 2		MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSP 65
methylphenidate hcl TBCR 36 MG,		MODERNA COVID-19 VAC 6M-11Y SUSY 65
		MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP 65
		moexipril hcl 19

mometasone furoate (nasal) SUSP 57	mycophenolate mofetil TABS54	neomycin-polymyxin-dexameth OINT 58
mometasone furoate CREA41	mycophenolate sodium54	neomycin-polymyxin-dexameth SUSP 0.1 %-3.5 MG/ML-10000 UNIT/ML, 0.1 %58
mometasone furoate OINT41	MYLERAN TABS23	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...58
mometasone furoate SOLN41	nabumetone4	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN . 59
montelukast sodium CHEW9	nadolol TABS 20 MG33	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP . 59
montelukast sodium PACK9	nadolol TABS 40 MG33	NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG55
montelukast sodium TABS9	nadolol TABS 80 MG33	NEONATAL PLUS TABS56
morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG6	naftifine hcl CREA 1 %38	NEONATAL PRENATAL TABS ...56
morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML6	naftifine hcl CREA 2 %38	NEONATAL VITAMIN TABS56
morphine sulfate SOLN PO 10 MG/5ML6	naloxone hcl LIQD17	neostigmine methylsulfate SOSY .22
morphine sulfate SOLN PO 20 MG/5ML6	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML17	NEO-SYNALAR38
morphine sulfate TABS 15 MG6	naltrexone hcl17	NEUPRO28
morphine sulfate TABS 30 MG6	naproxen sodium TABS 550 MG ...4	NEVANAC58
morphine sulfate TBCR6	naproxen SUSP4	nevirapine SUSP31
MOTOFEN17	naproxen TABS4	nevirapine TABS31
MOVANTIK46	naproxen TBEC 500 MG4	nevirapine TB24 400 MG31
moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP 57	naratriptan hcl53	NEXIUM 24HR TBEC 20 MG62
moxifloxacin hcl in sodium chloride 46	NATACYN57	NEXTSTELLIS35
moxifloxacin hcl TABS46	NATAZIA35	niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..19
MRESVIA65	nateglinide16	niacin CPCR 250 MG, 500 MG66
MULTI PRENATAL TABS55	NAYZILAM12	NIACIN ER TBCR66
mupirocin OINT38	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 32	niacin TABS66
MVASI24	nebivolol hcl 20 MG32	niacin TBCR66
MYALEPT45	NEBUSAL NEBU37	niacinamide TABS 100 MG66
mycophenolate mofetil CAPS54	nefazodone hcl14	niacinamide TABS 500 MG66
	nelarabine24	
	neomycin sulfate TABS2	
	neomycin-bacitracin zn-polymyxin 57	

nicardipine hcl CAPS	33	NIVA-PLUS TABS	56	nortriptyline hcl SOLN	14
nicardipine hcl SOLN	33	nizatidine CAPS	62	NORVIR CAPS	31
NICOTINE KIT	61	NORDITROPIN FLEXPLO SOPN 30 MG/3ML	44	NORVIR PACK	31
nicotine polacrilex GUM	61	NORDITROPIN FLEXPLO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	44	NORVIR TABS (ritonavir)	31
nicotine polacrilex LOZG	61	norelgestromin-ethinyl estradiol ...	35	NOVA MAX PLUS KETONE TEST 43	
nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR	61	norethin acet & estrad-fe CAPS ...	35	NOVAREL IM 10000 UNIT	44
NICOTROL INHA	61	norethin acet & estrad-fe CHEW ...	35	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	65
NICOTROL NS SOLN	61	norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	35	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSY	65
nifedipine CAPS 10 MG	33	norethindrone & eth estradiol	35	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16
nifedipine CAPS 20 MG	33	norethindrone & ethinyl estradiol-fe 35		NOVOLIN 70/30 SUSP	16
nifedipine TB24 30 MG	33	norethindrone (contraceptive)	36	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	16
nifedipine TB24 60 MG	33	norethindrone acet & eth estra TABS 35		NOVOLIN N SUSP	16
nifedipine TB24 90 MG	33	norethindrone acetate TABS	59	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	16
nifedipine TB24	33	norethindrone acetate-ethinyl estradiol	45	NOVOLIN R SOLN IJ	16
nilutamide	25	norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe	35	NOVOLOG FLEXPEN SOPN	16
nimodipine CAPS	33	norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe	35	NOVOLOG MIX 70/30 FLEXPEN SUPN	16
NIPENT	27	norethindrone-eth estradiol (triphasic)	35	NOVOLOG MIX 70/30 SUSP	16
nisoldipine	33	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	35	NOVOLOG PENFILL SOCT	16
nitazoxanide TABS	21	norgestimate-ethinyl estradiol	35	NOVOLOG SOLN IJ	16
nitisinone CAPS	45	norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG	35	NP THYROID TABS	62
NITRO-BID OINT	8	NORMOSOL-M IN D5W	53	NUBEQA	25
nitrofurantoin	22	NORMOSOL-R PH 7.4	53	NUEDEXTA	60
nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG	22	nortriptyline hcl CAPS	14	NUVAXOVID COVID-19 VACCINE SUSY 5 MCG/0.5ML	65
nitrofurantoin monohyd macro	22			nystatin (mouth-throat)	55
nitroglycerin (intra-anal)	8			nystatin (topical) CREA	38
nitroglycerin CPCR	8			nystatin (topical) OINT	38
nitroglycerin PT24	8			nystatin (topical) POWD EX	38
NITROGLYCERIN SOLN IV	8				
nitroglycerin SUBL	8				

nystatin TABS	18	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	63	OSPHENA	44
nystatin-triamcinolone CREA	38	OMNIFLEX DIAPHRAGM	50	OTEZLA TABS	4
nystatin-triamcinolone OINT	38	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 17		OTEZLA TBPK	4
NYVEPRIA	48	ondansetron hcl SOLN PO 4 MG/5ML	17	OTEZLA XR TB24 PO 75 MG	4
octreotide acetate SOLN	45	ondansetron hcl SOSY	17	OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPK	4
ODEFSEY	31	ondansetron hcl TABS 24 MG	17	oxacillin sodium IV 10 GM	59
ODOMZO	25	ondansetron hcl TABS 4 MG	17	oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	23
OFEV	61	ondansetron hcl TABS 8 MG	17	oxaprozin TABS	4
ofloxacin (ophth)	57	ondansetron TBDP 4 MG	17	oxazepam CAPS	8
ofloxacin (otic)	58	ondansetron TBDP 8 MG	17	oxcarbazepine SUSP	12
ofloxacin 300 MG, 400 MG	46	ONE VITE WOMENS PLUS TABS 56		oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	12
OGIVRI	24	ONE VITE WOMENS TABS	56	oxcarbazepine TABS 600 MG	12
olanzapine SOLR	29	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING	52	oxiconazole nitrate CREA	38
olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	29	ONETOUCH VERIO LIQD	52	OXISTAT LOTN	38
olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	29	ONIVYDE IV 43 MG/10ML	28	oxybutynin chloride SOLN	63
olanzapine TBDP 20 MG	29	OPDIVO 40 MG/4ML, 100 MG/10ML, 240 MG/24ML	24	oxybutynin chloride TABS 5 MG ...	63
olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	29	OPILL	36	oxybutynin chloride TB24	63
olmesartan medoxomil	20	ORENITRAM TBCR	34	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	6
olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide	20	ORGOVYX	25	OXYCODONE HCL TABA 10 MG ..	6
olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide	20	ORILISSA	44	OXYCODONE HCL TABA 5 MG, 15 MG, 30 MG	6
olopatadine hcl (nasal)	56	ORKAMBI PACK	61	oxycodone hcl TABS	6
olopatadine hcl 0.1 %	58	ORKAMBI TABS	61	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7
olopatadine hcl 0.2 %	58	ORLADEYO	47	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG	7
omega-3-acid ethyl esters	18	orphenadrine citrate TB12	56	OXYCONTIN T12A	6
omeprazole CPDR	62	oseltamivir phosphate CAPS	32	oxymorphone hcl TABS	6
omeprazole magnesium CPDR	62	oseltamivir phosphate SUSR	32		
omeprazole TBEC	62				

oxymorphone hcl TB12 40 MG6	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid49	MG 11
oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 6	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 236 GM 49	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG . 19
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN 15	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride 49	perindopril erbumine 4 MG 19
OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML15	PEGASYS SOLN 32	permethrin CREA 42
OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN ...16	PEGASYS SOSY 32	permethrin LIQD EX 42
paclitaxel 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML27	pemetrexed disodium SOLR 100 MG 24	perphenazine TABS 29
paclitaxel 30 MG/5ML, 300 MG/50ML27	pemetrexed disodium SOLR 500 MG 24	perphenazine-amitriptyline60
paclitaxel protein-bound particles .27	PENBRAYA 63	PERSERIS PRSY29
paliperidone 29	penciclovir 40	PFIZER COVID-19 VAC BIVALENT . 65
palonosetron hcl SOLN 17	penicillamine CAPS54	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 5-11Y SUSP65
pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML 44	penicillamine TABS 54	PFIZER COVID-19 VAC-TRIS 6M-4Y SUSP65
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 44	PENICILLIN G POT IN DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML .59	PFIZER-BIONT COVID-19 VAC- TRIS SUSP 65
PANRETIN 39	penicillin g potassium 5000000 UNIT 59	PFIZER-BIONTECH COVID-19 VACC SUSP 65
pantoprazole sodium TBEC 20 MG 62	penicillin g sodium59	phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 200 MG 47
pantoprazole sodium TBEC 40 MG 62	penicillin v potassium SOLR59	phendimetrazine tartrate TABS 1
paricalcitol CAPS45	penicillin v potassium TABS 59	phenelzine sulfate13
paricalcitol SOLN45	PENMENVY SUSR IM63	phenobarbital ELIX 49
paroxetine hcl SUSP14	PENTACEL62	phenobarbital TABS 49
paroxetine hcl TABS 14	pentamidine isethionate IN 21	phenoxybenzamine hcl19
paroxetine hcl TB2414	pentazocine w/ naloxone hcl 7	phentermine hcl CAPS1
pazopanib hcl26	pentoxifylline47	phenytoin CHEW13
PEDIARIX SUSY62	perampanel TABS 2 MG11	phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG13
pediatric multivitamins w/fl CHEW .55	perampanel TABS 4 MG11	phenytoin sodium SOLN13
PEDVAX HIB SUSP 63	perampanel TABS 6 MG11	phenytoin SUSP 13
	perampanel TABS 8 MG, 10 MG, 12	PHEXX 66

PHEXXI	66	polymyxin b-trimethoprim	57	pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG	28
PHOTOFRIN	27	POMALYST	25	pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	28
PIFELTRO	31	PORTRAZZA	25	prasugrel hcl	48
pilocarpine hcl (oral)	55	posaconazole SUSP	18	pravastatin sodium	19
pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 57		potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 54		praziquantel	8
pimecrolimus	42	potassium bicarbonate TBEF	54	prazosin hcl CAPS	20
pimozide	61	potassium chloride CPCR	54	PRECISION XTRA KETONE	43
pindolol TABS	33	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	54	PRED MILD	58
pioglitazone hcl	16	potassium chloride in dextrose 20 MEQ/L	54	prednisolone acetate (ophth)	58
pioglitazone hcl-glimepiride	15	potassium chloride microencapsulated crystals er	54	PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	58
pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 15		POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 54		prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML	36
PIQRAY (200 MG DAILY DOSE) .	26	potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	54	prednisolone sodium phosphate TBDP	36
PIQRAY (250 MG DAILY DOSE) .	26	POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 54		prednisolone SOLN	36
PIQRAY (300 MG DAILY DOSE) .	26	potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	54	prednisolone TABS	36
pirfenidone CAPS	61	potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ	54	prednisone SOLN	36
pirfenidone TABS 534 MG	61	potassium citrate (alkalinizer) TBCR . 47		prednisone TABS 1 MG, 5 MG	36
piroxicam CAPS	4	potassium phosphates 45 MMOLE/15ML	54	prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG	36
PLASMA-LYTE 148 27 MEQ/L-23 MEQ/L-98 MEQ/L-140 MEQ/L-3 MEQ/L-5 MEQ/L	54	POTELIGEO	24	pregabalin (once-daily) 330 MG ...	60
PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..	54	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	37	pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	60
PLEGRIDY SOAJ	60	pralatrexate	24	pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12	
PLEGRIDY SOSY SC	60			pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	12
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ . 60				pregabalin SOLN	13
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	60				
PNEUMOVAX 23 SOLN	63				
PNEUMOVAX 23 SOSY	63				
podofilox SOLN	42				

PREHEVBRIO	65	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	31	propranolol hcl TABS	33
PREMARIN	66	PREZISTA TABS 800 MG		propylthiouracil	61
PREMARIN SOLR	45	(darunavir)	31	PROQUAD SUSR	65
PREMARIN TABS 0.3 MG, 0.45 MG,		PRIFTIN	23	protriptyline hcl	14
0.625 MG, 0.9 MG, 1.25 MG		primaquine phosphate TABS	22	prucalopride succinate	46
(estrogens, conjugated)	45	primidone 50 MG, 250 MG	13	PULMICORT FLEXHALER AEPB ..	9
PREMPHASE	45	PRIORIX SUSR	65	PULMOZYME	61
PREMPRO	45	probenecid	47	pyrazinamide	23
PRENATAL ONE DAILY TABS	56	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML .		pyridostigmine bromide SOLN PO	22
PRENATAL PLUS TABS	56	8		pyridostigmine bromide TABS 60 MG	
PRENATAL PLUS		prochlorperazine	29		22
VITAMIN/MINERAL TABS	56	prochlorperazine maleate TABS ..	29	pyridostigmine bromide TBCR	22
PRENATAL TABS	56	PRODIGY CONTROL SOLUTION		pyrimethamine	22
PRENATAL VITAMIN AND		SOLN	52	PYZCHIVA 130 MG/26ML	46
MINERAL TABS	56	progesterone CAPS	59	PYZCHIVA 45 MG/0.5ML	39
PRENATAL VITAMINS TABS 100		PROGRAF PACK	54	PYZCHIVA 90 MG/ML	39
MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6		PROGRAF SOLN 5 MG/ML		PYZCHIVA SC 45 MG/0.5ML	39
MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95		(tacrolimus)	55	QC PRENATAL TABS	56
MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200		PROLASTIN-C SOLN	61	QUADRACEL SUSP	62
MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800		PROLASTIN-C SOLR	61	QUADRACEL SUSY	62
MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20		PROLEUKIN	27	quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50	
MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-		PROLIA SOSY	44	MG, 100 MG, 200 MG, 300 MG, 400	
4000 UNIT-30 UNIT	56	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25		MG	29
PRENATRIX TABS	56	MG	18	quetiapine fumarate TB24	29
PRENATRYL TABS	56	promethazine hcl SUPP 50 MG ...	18	quinapril hcl 20 MG, 40 MG	19
PREVNAR 13	63	promethazine hcl TABS	18	quinapril hcl 5 MG, 10 MG	19
PREVNAR 20	63	propafenone hcl CP12	9	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5	
PREZCOBIX	31	propafenone hcl TABS	9	MG-10 MG	20
PREZISTA SUSP	31	proparacaine hcl	58	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5	
PREZISTA TABS 600 MG		propranolol hcl CP24	33	MG-20 MG	20
(darunavir)	31	propranolol hcl SOLN PO 20		quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-	
		MG/5ML, 40 MG/5ML	33	20 MG	20

quinidine sulfate TABS	8	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM		risedronate sodium TABS 5 MG, 30	
quinine sulfate CAPS 324 MG	22	SOCT	19	MG	44
QVAR REDHALER	10	REPATHA SOSY	19	risedronate sodium TBEC	44
rabeprazole sodium TBEC	62	REPATHA SURECLICK SOAJ	19	risperidone microspheres	29
raloxifene hcl	44	RETACRIT	48	risperidone SOLN	29
ramelteon	49	RETROVIR CAPS (zidovudine) ...	31	risperidone TABS	29
ramipril CAPS	19	RETROVIR SOLN	31	risperidone TBDP	29
ranolazine TB12 1000 MG	8	RETROVIR SYRP (zidovudine) ...	31	ritonavir TABS	31
ranolazine TB12 500 MG	8	REXULTI	29	rivaroxaban SUSR 1 MG/ML	11
rasagiline mesylate	28	REYATAZ CAPS 200 MG (atazanavir		rivaroxaban TABS 2.5 MG	11
REALITY LATEX CONDOMS MISC .		sulfate)	31	rivastigmine tartrate CAPS	60
50		REYATAZ CAPS 300 MG (atazanavir		rizatriptan benzoate TABS 10 MG .	53
REALITY LATEX/ULTRA		sulfate)	31	rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..	53
TEXTURED DEVI	50	REYATAZ PACK	31	rizatriptan benzoate TBDP 10 MG .	53
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI		REZVOGLAR KWIKPEN	16	rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..	53
50		ribavirin (hepatitis c) CAPS	32	roflumilast	9
REBIF REBIDOSE SOAJ	60	ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG		romidepsin SOLR	26
REBIF REBIDOSE TITRATION		32		ropinirole hydrochloride TABS	28
PACK SOAJ	60	RIDAURA	3	ropinirole hydrochloride TB24 2 MG,	
REBIF SOSY	60	rifabutin	23	4 MG, 6 MG	28
REBIF TITRATION PACK SOSY ..	60	rifampin CAPS	23	ropinirole hydrochloride TB24 8 MG,	
RECOMBIVAX HB SUSP	65	rifampin SOLR	23	12 MG	28
RECOMBIVAX HB SUSY	65	RIGHTEST GC300 CONTROL LIQD		rosuvastatin calcium TABS	19
RELENZA DISKHALER	32	52		ROTARIX SUSP	65
RELION KETONE TEST STRP ...	43	riluzole TABS	57	ROTATEQ SOLN	65
RELION LANCET DEVICES 30G .	52	rimantadine hydrochloride TABS ..	32	ROXYBOND TABA 10 MG	6
RELION LANCETS	52	ringer's	54	ROXYBOND TABA 5 MG, 15 MG, 30	
RELION TRUE METRIX TEST		ringer's irrigation	55	MG	6
STRIPS STRP	43	RINVOQ LQ SOLN	2	ROZLYTREK CAPS	26
RENFLEXIS	46	RINVOQ TB24	2	RUBRACA	27
repaglinide 0.5 MG, 1 MG	16	risedronate sodium TABS 150 MG		rufinamide SUSP	13
repaglinide 2 MG	16	44			
		risedronate sodium TABS 35 MG .	44		

rufinamide TABS 200 MG13	sevelamer carbonate TABS47	sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %37
rufinamide TABS 400 MG13	SHINGRIX65	sodium citrate & citric acid47
RUKOBIA31	SIGNIFOR45	sodium fluoride CHEW54
RUXIENCE24	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN34	sodium phenylbutyrate POWD45
RYBELSUS TABS16	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR34	sodium phenylbutyrate TABS45
sacubitril-valsartan TABS33	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS34	sodium polystyrene sulfonate POWD 55
salsalate5	sildenafil citrate34	sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML55
SANTYL OINT42	silodosin47	sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate49
SAVELLA TABS60	silver sulfadiazine40	SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS32
SAVELLA TITRATION PACK MISC 60	SIMLANDI (1 PEN) AJKT3	solifenacin succinate TABS63
saxagliptin hcl15	SIMLANDI (1 SYRINGE) PSKT3	SOLQUA15
saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG15	SIMLANDI (2 PEN) AJKT3	SOLU-CORTEF 250 MG36
saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG15	SIMLANDI (2 SYRINGE) PSKT3	SOLU-CORTEF 500 MG, 1000 MG 36
scopolamine17	SIMPONI ARIA SOLN3	SOLU-MEDROL 2 GM36
SELECT INSULIN SYRINGES ...52	SIMULECT55	SOLUS V2 CONTROL SOLN52
SELECT LANCETS52	simvastatin TABS19	sorafenib tosylate27
selegiline hcl CAPS28	sirolimus TABS55	SORBITOL 3 %47
selegiline hcl TABS28	SIRTURO23	SORBITOL-MANNITOL 2.7 GM/100ML-0.54 GM/100ML47
selenium sulfide LOTN 2.5 %40	SKYRIZI PEN SOAJ39	sotalol hcl (afib/afI)33
SELZENTRY SOLN31	SKYRIZI SOCT46	sotalol hcl TABS 240 MG33
SELZENTRY TABS (maraviroc) ...31	SKYRIZI SOLN46	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG33
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG, 150 MG31	SKYRIZI SOSY39	SPIKEVAX 6M-11Y SUSY 25 MCG/0.25ML65
SELZENTRY TABS 300 MG (maraviroc)31	SLYND36	SPIKEVAX SUSP65
SEREVENT DISKUS10	SM PRENATAL VITAMINS TABS .56	SPIKEVAX SUSY65
sertraline hcl CONC14	SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)53	
sertraline hcl TABS14	sodium acetate SOLN53	
sevelamer carbonate PACK47	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 % 47	

spinosad	42	10 %-5 %	37	tenofovir disoproxil fumarate)	31
SPIRIVA RESPIMAT AERS IN	9	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD		SYMTUZA	31
spironolactone & hydrochlorothiazide		9 %-4.5 %	37	SYNAREL	44
.....	43	sulfacetamide sod-prednisolone		SYNJARDY TABS	15
spironolactone TABS	43	SOLN	58	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10	
SPRAVATO (56 MG DOSE)	14	sulfadiazine TABS	61	MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5	
SPRAVATO (84 MG DOSE)	14	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN		MG	15
stannous fluoride CONC	55		21	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25	
STELARA 130 MG/26ML	46	sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP		MG	15
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	39		21	SYNRIBO	27
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	39	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS		SYNTHROID TABS (levothyroxine	
STELARA SOSY 90 MG/ML	39		21	sodium)	62
STEQEYMA	46	SULFAMYLON CREA	40	TABLOID	24
STEQEYMA 45 MG/0.5ML	39	sulfasalazine TABS	46	tacrolimus (topical) OINT	42
STEQEYMA 90 MG/ML	39	sulfasalazine TBEC	46	tacrolimus CAPS	55
STIOLTO RESPIMAT	10	sulindac TABS	4	tacrolimus SOLN 5 MG/ML	55
STIVARGA	27	sumatriptan	53	tadalafil (pulmonary hypertension)	
streptomycin sulfate SOLR	2	sumatriptan succinate SOAJ	53	TABS	34
STRIBILD	31	sumatriptan succinate SOCT	53	tadalafil 5 MG	34
STRIVERDI RESPIMAT	10	sumatriptan succinate SOLN 6		TAFINLAR CAPS	27
SUBSYS LIQD 800 MCG	6	MG/0.5ML	53	tafluprost	58
sucralfate SUSP	62	sumatriptan succinate TABS	53	TAGRISSO 40 MG	25
sucralfate TABS	62	sumatriptan-naproxen sodium ...	52	TAGRISSO 80 MG	25
sulconazole nitrate CREA	39	sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50		TAKHZYRO SOLN	47
sulconazole nitrate SOLN	39	MG	27	TAKHZYRO SOSY	47
sulfacetamide sodium (acne)	37	sunitinib malate 37.5 MG	27	TALZENNA	27
sulfacetamide sodium (ophth) SOLN .		SUNLENCA TABS PO 300 MG ...	31	tamoxifen citrate TABS	25
57		SUNLENCA TBPK 300 MG	31	tamsulosin hcl	47
sulfacetamide sodium w/ sulfur		SUNOSI 150 MG	1	TASMAR (tolcapone)	28
CREA 10 %-5 %	37	SUNOSI 75 MG	1	tavaborole	39
sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD		SYMFI (efavirenz-lamivudine-		tazarotene CREA 0.1 %	39
		tenofovir disoproxil fumarate)	31	TAZVERIK	27
		SYMFI LO (efavirenz-lamivudine-			

TDVAX SUSP62	TETANUS-DIPHThERIA TOXOIDS	tobramycin NEBU2
TECENTRIQ 1200 MG/20ML24	TD SUSP62	tobramycin-dexamethasone SUSP
TEFLARO35	tetrabenazine60	58
TEGRETOL SUSP (carbamazepine) .	tetracycline hcl CAPS61	TODAY SPONGE MISC65
13	THALOMID54	tolcapone28
TEGRETOL TABS (carbamazepine) .	theophylline ELIX11	tolmetin sodium CAPS4
13	theophylline SOLN11	tolmetin sodium TABS 600 MG4
telmisartan20	theophylline TB1211	TOLSURA CAPS18
telmisartan-amlodipine20	theophylline TB2411	tolterodine tartrate CP2463
telmisartan-hydrochlorothiazide ...20	THERANATAL CORE NUTRITION	tolterodine tartrate TABS63
temazepam 15 MG, 30 MG49	TABS56	tolvaptan TABS45
temazepam 7.5 MG, 22.5 MG49	thioridazine hcl29	topiramate CPSP 15 MG13
TEMODAR SOLR23	thiotepa 100 MG23	topiramate CPSP 25 MG13
temozolomide CAPS23	thiotepa 15 MG23	topiramate CS2413
temsirolimus27	thiothixene29	topiramate TABS 200 MG13
TENIVAC SUSP 2 LFU-5 LFU62	THYMOGLOBULIN55	topiramate TABS 25 MG, 100 MG .13
tenofovir disoproxil fumarate TABS	THYROGEN 0.9 MG42	topiramate TABS 50 MG13
31	tiagabine hcl13	TOPOTECAN HCL SOLN (topotecan
TEPADINA 100 MG (thiotepa)23	ticagrelor 60 MG, 90 MG48	hcl)28
terazosin hcl20	TICE BCG27	topotecan hcl SOLN28
terbinafine hcl TABS18	timolol maleate (ophth) SOLG57	topotecan hcl SOLR28
terbutaline sulfate SOLN10	timolol maleate (ophth) SOLN57	toremifene citrate25
terbutaline sulfate TABS10	timolol maleate TABS33	torsemide TABS43
terconazole vaginal CREA66	tinidazole21	TRACLEER TBSO 32 MG (bosentan)
terconazole vaginal SUPP66	tiotropium bromide CAPS IN 18 MCG	34
teriflunomide60	9	tramadol hcl TABS 50 MG6
teriparatide SOPN44	TIVICAY PD TBSO31	tramadol hcl TB246
TESTOSTERONE CYPIONATE	TIVICAY TABS31	tramadol-acetaminophen7
SOLN IJ 200 MG/ML7	tizanidine hcl CAPS56	trandolapril 1 MG, 2 MG19
testosterone cypionate SOLN IM ...7	tizanidine hcl TABS56	trandolapril 4 MG19
testosterone enanthate SOLN IM ...7	tobramycin (ophth) SOLN57	trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2

MG, 240 MG-1 MG21	MG, 15 MG24	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG 15
trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG21	triamcinolone acetonide (mouth) ..55	TRIKAFTA TBPK 61
tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML48	triamcinolone acetonide (nasal) AERO 57	trimethobenzamide hcl CAPS 17
tranexamic acid TABS48	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %41	trimethoprim TABS21
tranylcypromine sulfate13	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %41	trimipramine maleate CAPS 14
travoprost SOLN58	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %41	TRINTELLIX14
TRAZIMERA24	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %41	TRIUMEQ PD TBSO31
trazodone hcl TABS14	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %41	TRIUMEQ TABS31
TRELEGY ELLIPTA10	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %42	TROJAN BARESKIN DEVI 50
TRELSTAR MIXJECT25	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %42	TROJAN MAGNUM MISC50
TREMFYA ONE-PRESS SOPN SC 100 MG/ML39	triamcinolone acetoneide SUSP 40 MG/ML36	TROJAN ULTRA THIN MISC50
TREMFYA PEN SOAJ 100 MG/ML 39	triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG43	TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL MISC 50
TREMFYA PEN SOAJ SC 200 MG/2ML46	triamterene & hydrochlorothiazide TABS43	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC 50
TREMFYA SOLN IV46	triamterene CAPS43	TROJAN-ENZ/SPERMICIDAL MISC . 50
TREMFYA SOSY 100 MG/ML40	triazolam49	tropicamide SOLN 0.5 % 57
TREMFYA SOSY SC 200 MG/2ML 46	TRICARE TABS56	tropicamide SOLN 1 % 57
TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ SC 200 MG/2ML46	trientine hcl 250 MG54	trospium chloride CP2463
treprostinil SOLN IJ34	trifluoperazine hcl TABS29	trospium chloride TABS63
TRESIBA FLEXTOUCH SOPN16	trifluridine57	TRUE COVER DEVI50
TRESIBA SOLN16	trihexyphenidyl hcl SOLN28	TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRP43
tretinoin (chemotherapy)27	trihexyphenidyl hcl TABS28	TRUE METRIX LEVEL 3 SOLN ...52
tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %37	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .15	TRULANCE 46
tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %38		TRULICITY16
tretinoin microsphere 0.1 %37		TRUMENBA 0.5 ML 63
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10		TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC50
		TRUSTEX LUB/RIBBED/STUDD

MISC	50	UBRELVY 100 MG	52	vancomycin hcl CAPS	21
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE EX ST		UBRELVY 50 MG	52	vancomycin hcl SOLR PO 25	
MISC	50	UDENYCA ONBODY SOSY	48	MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .	21
TRUSTEX LUB/SPERMICIDE XL		UDENYCA SOAJ	48	VAQTA	65
MISC	50	UDENYCA SOSY	48	VAQTA IM 25 UNIT/0.5ML, 50	
TRUSTEX LUBRICATED EX LARGE		umeclidinium-vilanterol	10	UNIT/ML	65
MISC	51	UNISTRIP CONTROL SOLN	52	varenicline tartrate TABS	61
TRUSTEX LUBRICATED EXTRA ST		UPTRAVI TABS 200 MCG	34	varenicline tartrate TBPK	61
MISC	51	UPTRAVI TABS 400 MCG, 600		VARIVAX SUSR	65
TRUSTEX		MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200		VARUBI (180 MG DOSE) TBPK ...	17
LUBRICATED/SPERMICIDE MISC		MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	34	VAXELIS SUSP	62
51		UPTRAVI TITRATION TBPK	34	VAXELIS SUSY	62
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +		ursodiol CAPS	46	VAXNEUVANCE	63
LUBE MISC	51	ursodiol TABS	46	VCF VAGINAL CONTRACEPTIVE	
TRUSTEX RIA LUB/SPERMICIDE		UVADEX	27	FILM	65
MISC	51	VABRINTY SC 22.5 MG, 30 MG, 45		VECAMEYL	21
TRUSTEX RIA LUBRICATED MISC .		MG	25	VECTIBIX 100 MG/5ML	25
51		valacyclovir hcl 1 GM	32	VECTIBIX 400 MG/20ML	25
TRUSTEX-NONOXYNOL-		valacyclovir hcl 500 MG	32	VELPHORO	47
9/RIB/STUD MISC	51	valganciclovir hcl TABS	32	venlafaxine hcl CP24	14
TRUVADA (emtricitabine-tenofovir		valproate sodium SOLN PO 250		venlafaxine hcl TABS	14
disoproxil fumarate)	31	MG/5ML, 500 MG/10ML	13	venlafaxine hcl TB24	14
TRUXIMA	24	valproic acid CAPS	13	VENOFER 20 MG/ML (iron sucrose) .	
TUKYSA	24	valrubicin	26	48	
TURALIO 125 MG	27	valsartan TABS	20	verapamil hcl CP24 100 MG, 200	
TWINRIX SUSY	65	valsartan-hydrochlorothiazide	21	MG, 300 MG	33
TWIRLA	35	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD ...	12	verapamil hcl CP24 120 MG, 180	
TYBLUME CHEW	35	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5		MG, 240 MG, 360 MG	33
TYBOST	31	MG/0.1ML	12	verapamil hcl TABS	33
TYMLOS	44	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10		verapamil hcl TBCR	33
TYVASO REFILL KIT SOLN IN ...	34	MG/0.1ML	12	VEREGEN	38
TYVASO SOLN IN	34	VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	12	VERZENIO	27
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	34				

vigabatrin PACK	13	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 70	51	XULTOPHY	15
vigabatrin TABS	13	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 75	51	YERVOY	24
VIIBRYD STARTER PACK KIT	14	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 80	51	YESINTEK 130 MG/26ML	46
vilazodone hcl TABS	14	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 85	51	YESINTEK SOLN 45 MG/0.5ML ..	40
vincristine sulfate	27	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 90	51	YESINTEK SOSY 45 MG/0.5ML ..	40
vinorelbine tartrate 10 MG/ML	27	WIDE-SEAL DIAPHRAGM 95	51	YESINTEK SOSY 90 MG/ML	40
vinorelbine tartrate 50 MG/5ML	27	XALKORI CAPS	27	YEZTUGO TABS PO 300 MG	31
VIRACEPT TABS 250 MG	31	XARELTO STARTER PACK TBPK		YONDELIS	23
VIRACEPT TABS 625 MG	31	11		YONSA	25
VIREAD POWD	31	XARELTO SUSR 1 MG/ML		YUFLYMA (1 PEN) AJKT	3
VIREAD TABS (tenofovir disoproxil		(rivaroxaban)	11	YUFLYMA (2 PEN) AJKT	3
fumarate)	31	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	11	YUFLYMA (2 SYRINGE) PSKT	3
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG,		XARELTO TABS 15 MG	11	YUFLYMA-CD/UC/HS STARTER	
250 MG	31	XELJANZ SOLN	2	AJKT	3
VISTOGARD	17	XELJANZ TABS 10 MG	2	zafirlukast	9
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	66	XELJANZ TABS 5 MG	2	zaleplon 10 MG	49
VITATHELY WITH GINGER TABS		XELJANZ XR TB24	2	zaleplon 5 MG	49
56		XEOMIN	57	ZALTRAP 100 MG/4ML	24
VITRAKVI CAPS	27	XHANCE EXHU	57	ZANOSAR	23
VITRAKVI SOLN	27	XIFAXAN 200 MG	21	ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13
VIVIMUSTA SOLN	23	XIFAXAN 550 MG	21	ZARXIO	48
VIZIMPRO	25	XIGDUO XR (dapagliflozin		ZEJULA TABS	27
VORAXAZE	27	propanediol-metformin hcl)	15	ZELBORAF	27
voriconazole TABS	18	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500		ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000	
VOSEVI	32	MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15	UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-	
VYXEOS	26	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000		10000 UNIT-3000 UNIT, 168000	
warfarin sodium TABS	11	MG-5 MG	15	UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT,	
water for irrigation, sterile	55	XOSPATA	27	24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT,	
WESTAB PLUS TABS	56	XTAMPZA ER	6	42000 UNIT-32000 UNIT-10000	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 60	51	XTANDI CAPS	25	UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-	
WIDE-SEAL DIAPHRAGM 65	51	XTANDI TABS 40 MG	25	15000 UNIT, 84000 UNIT-63000	
		XTANDI TABS 80 MG	25	UNIT-20000 UNIT	43
				ZENPEP CPEP 252600 UNIT-	

189600 UNIT-60000 UNIT	43
ZIAGEN SOLN (abacavir sulfate) ..	31
zidovudine CAPS	31
zidovudine SYRP	31
zidovudine TABS	31
zileuton TB12	9
ziprasidone hcl	29
ZIRABEV	24
ZIRGAN GEL	57
ZOLADEX 10.8 MG	25
ZOLADEX 3.6 MG	25
zoledronic acid SOLN 5 MG/100ML 44	
ZOLINZA	27
zolmitriptan SOLN	53
zolmitriptan TABS	53
zolmitriptan TBDP	53
zolpidem tartrate TABS	49
zolpidem tartrate TBCR	49
zonisamide CAPS	13
ZONTIVITY	48
ZORBTIVE SC	44
ZYDELIG	27
ZYLET	58

Ambetter Health is underwritten by Centene Venture Company Florida and Sunshine State Health Plan, Inc. These companies are Qualified Health Plan issuers in the Florida Health Insurance Marketplace. This is a solicitation for insurance. ©2025 Centene Venture Company Florida and Sunshine State Health Plan, Inc., AmbetterHealth.com/en/fl. For information on your right to receive an Ambetter Health plan free of discrimination, or your right to receive language, auditory and/or visual assistance services, please visit AmbetterHealth.com and scroll to the bottom of the page.

Ambetter Health được bảo lãnh bởi Centene Venture Company Florida và Sunshine State Health Plan, Inc. Những công ty này là các đơn vị phát hành Chương Trình Bảo Hiểm Y Tế Đủ Điều Kiện trên Thị Trường Bảo Hiểm Y Tế Florida. Đây là thư mời chào mua bảo hiểm. ©2025 Centene Venture Company Florida và Sunshine State Health Plan, Inc., AmbetterHealth.com/en/fl. Để biết thông tin về quyền được nhận chương trình Ambetter Health mà không bị phân biệt đối xử hoặc quyền được nhận các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ, thính giác và/hoặc thị giác, vui lòng truy cập AmbetterHealth.com và cuộn xuống cuối trang.